

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Mã chứng khoán SD9
Mã số doanh nghiệp: 0100845515

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Sông Đà 9 trân trọng kính mời Quý vị cổ đông SD9 tới dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty:

1. **Thời gian:** 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2021.

2. **Địa điểm:** Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: Hội Trường Tầng 9, Tòa Nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

3. **Thành phần tham dự Đại hội :** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 01/04/2021 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ.

4. **Chương trình và tài liệu họp:** Chương trình họp và các tài liệu họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty địa chỉ www.songda9.com tại Mục: **Nhà Đầu Tư > Đại hội đồng cổ đông.**

5. **Quý cổ đông không đến dự Đại hội:** Có thể ủy quyền cho người khác tham dự (Quý cổ đông tự lập giấy ủy quyền hoặc tham khảo mẫu ủy quyền đính kèm)

6. **Quý cổ đông/người được ủy quyền đến dự đại hội xuất trình giấy tờ sau:**

(1) Thông báo mời họp; (2) CMND/hộ chiếu/ CCCD; Giấy ủy quyền (bản gốc)

7. **Thông tin liên hệ:**

Trưởng hợp cần hỗ trợ thêm, Cổ đông vui lòng liên hệ với Công ty theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức ĐHĐCĐ – Công ty cổ phần Sông Đà 9

Địa chỉ: Tòa Nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

Email contact@songda9.com

Điện thoại: 0243.7683746

Thông báo này thay cho giấy mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thế Quang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

1. Người ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
GCNDN (Số CMND/ Hộ chiếu/CCCD..... cấp ngày/.../...tại.....
là cổ đông(hoặc đại diện pháp nhân của cổ đông):.....
Địa chỉ:
Số cổ phần sở hữu

2. Người nhận ủy quyền:

Họ và tên:
Số CMND..... cấp ngày:..... Tại
Chức vụ:

hoặc Ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty SD9, có tên sau:

+ Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>
+ Ông Nguyễn Hải Sơn	TV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty	<input type="checkbox"/>
+ Ông Nguyễn Gia Hân	TV HĐQT	<input type="checkbox"/>

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 và được quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 27/04/2021.

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 2021.
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số 15/2021/CT/HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (SD9) thông báo tới toàn thể quý vị cổ đông về việc ứng cử, đề cử thay thế thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

I. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 9, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

II. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

III. Điều kiện để cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tham chiếu Khoản 2, Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông (các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau) nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền ứng cử, đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo mục I và II trên đây thì Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát công ty.

IV. Hướng dẫn gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

gồm:

1. Đơn ứng cử (Mẫu 1)

2. Đơn đề cử (**Mẫu 2**)
3. Biên bản họp nhóm cổ đông và danh sách đề cử, ứng cử (**Mẫu 3**)
4. Bản khai sơ yếu lý lịch (**Mẫu 4**)
5. Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chuyên môn.

Quý cổ đông lưu ý: Người ứng cử, đề cử tham gia thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Sông Đà 9 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, tặ ứng cử của mình.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử/ ứng cử thành viên HĐQT/ Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2021 – 2026 trước 15h30 ngày 17/4/2021 để Công ty cổ phần Sông Đà 9 kịp thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, để Quý vị cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập website của Công ty theo địa chỉ www.songda9.com.vn.

Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi tới địa chỉ: Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37683746; **Fax:** 024.37682684. Email contact@songda9.com

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- ĐU Cty (b/cáo)
- BKS, TGD SD9;
- Lưu HĐQT, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Tên tôi là.....

ĐKKD/CMND số.....

Địa chỉ.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên thành viên HĐQT/ thành viên Ban kiểm soát tại Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và Luật doanh nghiệp, tôi thấy mình có đủ điều kiện cử ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của SD9 tín nhiệm bầu là thành viên HĐQT/ thành viên BKS, tôi xin đem hết năng lực, tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Sông Đà 9

Tôi xin đính kèm Hồ sơ cá nhân theo đơn này

Trân trọng cảm ơn

Hà Nội, ngày..... tháng.....năm 2021

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Tên tôi là(tổ chức/cá nhân).....

ĐKKD/CMND số.....

Địa chỉ.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT/ BKS tại Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và Luật doanh nghiệp, tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi có đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi được đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/ BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9 như sau:

Ông (Bà).....

ĐKKD/CMND số.....Ngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ.....

Trình độ học vấn:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Tôi/ nhóm cổ đông chúng tôi gửi các hồ sơ kèm theo đơn này.

Trân trọng cảm ơn

Hà Nội, ngày..... tháng.....năm 2021

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**BIÊN BẢN HỢP NHÓM CỔ ĐÔNG GIỚI THIỆU
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /BAN KIỂM
SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 NHIỆM KỲ 2021-2026**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Căn cứ Thông báo số 15/CT-HĐQT ngày 01/04/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 về việc giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/ BKS Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ 2021 -2026.

Chúng tôi là các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông sở hữu% cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 9, bao gồm:

Tên cổ đông	Người đại diện phân vốn (trường hợp là cổ đông pháp nhân)	Số lượng cổ phần sở hữu tại SD9	Tỷ lệ (%) trên VDL SD9
Chiếm tỷ lệ %/Vốn điều lệ SD9		...%	

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên HĐQT công ty, chúng tôi nhất trí đề cử:

Họ và tên ứng cử viên	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định

1. Các ứng cử viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.
2. Chúng tôi xin gửi kèm theo thông báo này danh sách và hồ sơ có liên quan của ứng cử viên lập theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của SD9.
3. Trong trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với ông/bà, số điện thoại: là đại diện cho nhóm cổ đông.

CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên khai sinh: Giới tính:.....
- Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:.....
- Quốc tịch:.....
- Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:
- Trình độ văn hóa:
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn, chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Chức vụ hiện tại đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, đơn vị công tác

- Tôi xin cam đoan về tính chính xác trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Chính quyền địa phương/cơ quan công tác), ngày.... tháng năm 2021 NGƯỜI KHAI (Ký, ghi rõ họ tên)
--	---



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(Tổ chức ngày 27/4/2021, tại Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9)

T	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
I Thủ tục, nghi thức tiến hành đại hội			
	8h đến 8h20	Đón tiếp cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu	Ban tổ chức
II Nội dung chính của Đại hội			
1	8h20 đến 8h30	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu, Khai mạc và giới thiệu đại biểu - Mời Ban chủ tọa đại hội lên làm việc	Ban tổ chức
2	8h30 đến 8h40	- Ban Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội và đề cử Ban Kiểm phiếu - Thông qua chương trình của Đại hội	Ban chủ tọa
3	8h40 đến 8h50	Thông qua quy chế đại hội, quy chế bầu cử	Ban chủ tọa
4	8h50 đến 9h30	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	Tổng giám đốc
		Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021.	HĐQT
		Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2020, chương trình hoạt động năm 2021.	BKS
5	9h30 đến 10h15	ND1: Tờ trình thông qua báo cáo SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.	Ban Chủ tọa
		ND2: Tờ trình thông qua báo cáo hoạt động HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	
		ND3: Tờ trình thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2020, chương trình hoạt động năm 2021	
		ND4: Tờ trình của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2020	
		ND5: Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	
		ND6: Tờ trình thông qua (1) Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS (2) thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty.	
		ND7: Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020, phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2021.	
		ND8: Tờ trình nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026	
	Ý kiến phát biểu, thảo luận và giải đáp các ý kiến đóng góp của Cổ đông	BCT, CD	
6	10h15 đến 10h45	Biểu quyết thông qua các báo cáo Bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026	Ban Chủ tọa
		Nghỉ giải lao	
7	10h45 đến 11h00	Báo cáo kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết; kết của bầu HĐQT/BKS	Ban kiểm phiếu
III Tổng kết đại hội			
1	11h đến 11h30	Trình bày biên bản, nghị quyết đại hội, biểu quyết thông qua biên bản, nghị quyết đại hội	Ban thư ký
2		Tuyên bố bế mạc đại hội	BCT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;
- Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2021 được thực hiện theo quy chế sau đây:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Đại hội) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 01/4/2021 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ.
2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản.
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban

tổ chức Đại hội.

e. Cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.

c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.

g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tọa có thể chỉ định một số người là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc lên bàn Chủ tọa để phối hợp điều khiển cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào HĐQT/BKS Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Bầu cử đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này.

- Bầu cử công khai đảm bảo dân chủ và quyền hợp pháp của cổ đông.

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Phương thức bầu cử :

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (**bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu**);

2. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

3. Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

4. Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

- Gạch tên ứng cử viên.

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa.

- Viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Tổng số cổ phần bầu cho thành viên được bầu lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.

- Phiếu bầu có số thành viên được bầu vượt quá số lượng thành viên phải bầu.

- Phiếu bầu không đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

5. Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát HĐQT và đại diện cổ đông.

6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa Đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).



Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:

1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026, BKS nhiệm kỳ 2021-2026: Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại điều lệ công ty

2. Trường hợp có từ 2 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng HĐQT/BKS thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/đại diện sở hữu nhiều cổ phần SD9 hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 01/4/2021. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ngang nhau hoặc tất cả ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau để chọn.

Điều 7. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, nội dung biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung chính như sau: Ban kiểm phiếu, danh sách đề cử, tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu và danh sách trúng cử

2. Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 8 điều, được đọc công khai tại đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ BẦU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;

Đại hội đồng cổ đông năm 2021 (Đại hội) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) công ty nhiệm kỳ 2021-2026 theo các nội dung sau đây:

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền tại thời điểm chốt danh sách ngày 01/4/2021 tham dự Đại hội đều có quyền tham gia bầu cử.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HDQT, BKS:

1. Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 9, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên HDQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

f. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 3. Điều kiện để ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tham chiếu Khoản 2, Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông(các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau) nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần được ứng cử, đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát Công ty cổ

8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Điều 5 Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội .

1. Ban tổ chức Đại hội gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;

d. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Ban tổ chức Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết**, thể thức biểu quyết, và tiến hành kiểm phiếu.

3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;

4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 01/4/2021.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ Biểu quyết, Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để **tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến** đối với những vấn đề thông qua trong Đại hội.

Điều 10. Phiếu biểu quyết

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.

2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong Phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.

2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.

3. Tính hợp lệ của **Phiếu biểu quyết**:

a. **Phiếu biểu quyết** hợp lệ:

- Là **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty;

- **Phiếu biểu quyết** không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.

b. **Phiếu biểu quyết** không hợp lệ:

- **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;

- **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;

- **Phiếu biểu quyết** bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa;

- **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;

- **Phiếu biểu quyết** đánh dấu từ 2 phương án trở lên;

4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội (*chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần*)

Điều 12. Quy định về kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu:

1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

a. Ban kiểm phiếu làm việc trong 1 phòng hoặc khu vực riêng dưới sự giám sát của HĐQT công ty.

b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc khi cần thiết.

c. Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.

d. Niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho HĐQT.

2. Lập và công bố kết quả kiểm phiếu:

a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Nội dung biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ công ty.

c. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng ban Kiểm phiếu, Người đại diện theo pháp luật và Chủ tọa Đại hội.

Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 14. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 15. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 16 điều, được đọc công khai tại đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Quang

—

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng giá trị SXKD đạt 419 tỷ/710 tỷ đạt 59% KH năm, giảm 38% so với cùng kỳ 2019 (677 tỷ đồng).
- Doanh thu đạt 357 tỷ/663 tỷ đạt 54% KH năm, giảm 36% so với cùng kỳ 2019 (560 tỷ).
- Lợi nhuận trước thuế đạt 3,15 tỷ/32,9 tỷ đạt 10% KH năm, giảm 54% so với cùng kỳ 2019 (6,9 tỷ).
- Nộp Ngân sách đạt 26 tỷ/46 tỷ đạt 58% KH năm, giảm 9% so với cùng kỳ 2019 (29 tỷ đồng).
- Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 0%.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	710	419	59
-	Giá trị xây lắp	"	550	318	58
-	Giá trị sản xuất công nghiệp	"	130	66	50
-	Giá trị kinh doanh khác	"	30	35	116
2	Doanh thu	"	663	357	54
3	Tiền về tài khoản	"	667	464	70
4	Nộp Ngân sách	"	46	26	58
5	Lợi nhuận trước thuế	"	32,9	3,15	10

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
6	Lợi nhuận sau thuế	“	30,6	1,43	5
7	Vốn chủ sở hữu	“	618	585	95
8	Vốn điều lệ	“	342	342	100
9	Tổng tài sản	“	2.329	2.275	98
10	Tỷ lệ cổ tức	%	8	0	
11	Lao động tiền lương				
-	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	600	383	65
-	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	11.928	10.160	85
12	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	25,5	64	254
-	Đầu tư mở rộng SXKD	“	25,5	64	254
-	ĐT nâng cao năng lực thi công	“			

III. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2020:

1. Thực hiện mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình:

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2020

TT	Công trình	ĐVT	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Nhiệt điện Long Phú	Tỷ đồng	81,9	0	
2	Gói thầu F2	Tỷ đồng	198,2	134	68
3	Hồ chứa nước Bản Lài	Tỷ đồng	29,4	22,6	77
4	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Tỷ đồng	64,2	109	170
5	Hồ chứa nước Cánh Tạng	Tỷ đồng	36,7	10,7	29
6	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3+4)	Tỷ đồng	89	8,4	9
7	Thủy điện Pake	Tỷ đồng	5,4	12,4	224
8	Công trình khác	Tỷ đồng		0,84	
9	Công trình dự kiến	Tỷ đồng	45	20	45
10	Sản lượng điện Nậm Khánh	Tỷ đồng	40	52	129
11	Sản lượng điện Pake	Tỷ đồng	90	14	16
12	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	Tỷ đồng	30	34,9	116
	Tổng cộng	Tỷ đồng	710	419	59

1.2 Tình hình thực hiện tiến độ khối lượng năm 2020

TT	Thành phần công việc	ĐVT	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Bê tông RCC	m ³	167.440	167.440	100
2	Bê tông CVC	m ³	53.848	20.561	38
3	Khoan phun, khoan thoát nước	md	7.632	6.282	82
4	Đào đất, đá	m ³	852.408	596.769	70
5	Đắp đất, đá	m ³	528.919	40.781	8
6	Gia cố bằng cọc BTCT	md	103.774	44.614	43

2. Kiểm điểm thực hiện các công trình năm 2020:

1.1 Thực hiện đầu tư thủy điện Pake:

- Thực hiện đầu tư đạt: 64 tỷ/25 tỷ.

Trong đó:

- + Sản lượng xây lắp: 12 tỷ/25 tỷ đạt 48% KH.
- + Chi phí thiết bị: 4 tỷ/0 tỷ KH.
- + Chi phí lãi vay, đền bù GPMB và chi phí khác: 48 tỷ/0 tỷ.

Công tác thủ tục pháp lý:

- Hoàn thành các thủ tục cấm mốc bảo vệ đập, bảo vệ lòng hồ thuộc địa phận hai tỉnh Hà Giang và Lào Cai.
- Hoàn thành thủ tục cấp Giấy phép hoạt động điện lực.
- Hoàn thành thủ tục kiểm tra, nghiệm thu công trình với Bộ Công Thương
- Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu công trình đưa vào vận hành phát điện thương mại.
- Hoàn thành ký Hợp đồng mua bán điện và Giấy phép hoạt động điện lực.

Công tác đền bù, GPMB:

- Hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường GPMB, quyết định thu hồi đất huyện Xín Mần lần 2 khu vực lòng hồ và đã thực hiện chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân.
- Phối hợp Hội đồng bồi thường huyện Xín Mần hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt phương án bồi thường GPMB và Quyết định thu hồi đất Đường dây 110kv huyện Xín Mần;
- Hoàn thành chi trả tiền bồi thường GPMB cho các hộ dân thuộc phạm vi lòng hồ huyện Si Ma Cai.
- Phối hợp Phòng TN&MT huyện Bắc Hà, Trung tâm phát triển quỹ đất giải quyết các thủ tục bồi thường GPMB đối với các hộ gia đình được trả đất chồng chéo phạm vi lòng hồ của dự án (5,9ha).

Công tác thi công:

- + Tổng khối lượng thi công bê tông đạt 1.758 m³/5.638m³ đạt 31% KH năm.
- + Hoàn thành thi công móng, lắp dựng cột đường dây 110KV (12/12 cột).

- + Các công tác khác: Hoàn thành thi công mố trụ, cọc biển báo, HT ray trượt và tổ hợp phao với cáp của HT phao chắn rác và HT cảnh báo lòng hồ; hoàn thành thi công HT tiếp địa bờ phải.

Công tác thiết bị:

- Thiết bị quan trắc: Hoàn thành lắp báo cáo quan trắc chu kì 0 và nghiệm thu chuyển giao công nghệ.
- Thiết bị Cơ khí thủy công: Hoàn thành khắc phục độ kín khít cửa van vận hành Cổng xả cát. Hoàn thành thi công hệ thống cấp nguồn thiết bị đập tràn, CNN theo thiết kế ban đầu đã được duyệt.
- Thiết bị cơ điện: : Hoàn thành hòa lưới các tổ máy và phát điện thương mại vào ngày 25/11/2020
- Công tác đường dây, đấu nối:
- + Hoàn thành nghiệm thu đóng điện DZ1 10kV và NLMR; nhà thầu đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình.

*** Nguyên nhân giá trị đầu tư vượt kế hoạch:**

- Dự án thủy điện Pake lập tiến độ hoàn thành phát điện tháng 6/2019, điều chỉnh tiến độ phát điện lần 1 đến tháng 9/2019, điều chỉnh lần 2 tháng 12/2019 và phát điện chính thức ngày 25/11/2020. Nguyên nhân chậm tiến độ:
- + Do dịch Covid-19 nên chuyên gia Trung Quốc đến công trường chậm hơn kế hoạch;
- + Thiết bị cơ khí thủy công: Do sự cố cửa van vận hành cửa xả cát nên thời gian tích nước phải lùi lại.
- + Đường dây 110KV: Một số vị trí ảnh hưởng của công tác GPMB, công tác thi công trong dịp Tết chậm, nhà thầu chưa tập trung tối đa nhân lực để thi công và nguồn vốn làm ảnh hưởng đến công tác thi công của nhà thầu.

1.2 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- ✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 134 tỷ/198 tỷ đạt 68%KH năm. Trong đó: Đóng cọc BTCT gia cố bờ kênh đạt 43%KH năm; bê tông đạt 54% KH năm và thi công cừ larsen đạt 107% KH năm (53.587m/50.000m).

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Mặt bằng thi công hạn chế do xung đột, chồng lấn với các công trình hiện hữu chưa được xử lý dứt điểm, chưa hoàn thành công tác di dời tiện ích.
- Công tác thỏa thuận thiết kế chậm do nhân lực thiếu và yếu, phương pháp làm việc với tư vấn chưa hợp lý, ảnh hưởng lớn đến công tác triển khai thi công như: thiết kế hệ thống thu gom thoát nước tạm bờ Phú Định, thiết kế bó vĩa.
- Trong tháng 9, tháng 10 triều cường lên cao, tập trung nhân lực phòng chống triều cường giảm thiểu ảnh hưởng đến người dân. Công tác thi công bị ảnh hưởng.

1.3 Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ:

- ✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 170%KH năm (109 tỷ/64 tỷ), trong đó:
- Hoàn thành 100% khối lượng bê tông RCC và hoàn thành khoan phun chống thấm đập phụ số 3, 4.

- Hoàn thành 100% khối lượng bê tông CVC mặt đập 3 và công tác khoan thoát nước đập 4 đạt 100% KH năm.

1.4 Hồ chứa nước Bản Lãi:

- Hoàn thành thi công khối lượng được giao tại công trình, sản lượng thực hiện năm đạt 23 tỷ, lũy kế thực hiện công trình đạt 51,4 tỷ đồng.

1.5 Hồ chứa nước Cánh Tạng:

✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 29% KH năm (11 tỷ/37 tỷ). Trong đó:

- Hoàn thành 35% khối lượng bê tông dốc nước tràn (3.011m³/5.800m³).
- Hoàn thành 3% khối lượng bê tông gia cố (200m³/6.200m³).
- Chưa thi công bê tông đầu tràn.

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công tác bàn giao MB thi công đầu tràn chậm 8 tháng so với kế hoạch, chưa hoàn thành công tác bàn giao MB thi công do hiệu chỉnh thiết kế.
- Hạng mục gia cố: Do bàn giao mặt bằng thi công chậm khu vực dốc nước và phụ thuộc công tác đắp đập tại hạng mục đập chính.

1.6 Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3):

✓ Sản lượng thực hiện đạt 2,4tỷ/31,7tỷ, đạt 8% KH năm. Trong đó:

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch.
- CĐT chưa bàn giao đầy đủ mặt bằng để thi công.
- Dừng thi công do dẫn cách xã hội của dịch Covid.

1.7 Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 4):

✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 5,9 tỷ/57tỷ, đạt 10% KH năm.

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công tác Tuyển công từ 46.0/4/0/2 đến 46.0/4/0 gặp phải sự phản đối của người dân có nhà nằm trên tuyến.
- Đình chỉ thi công do nhà thầu không đáp ứng về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.
- Công tác phê duyệt thiết kế còn chậm so với dự kiến.
- Không bố trí đủ nhân lực, không đáp ứng được yêu cầu khối lượng công việc; máy móc thiết bị huy động chưa đáp ứng, không đúng BPTC được duyệt.

1.8 Công trình Tân Lộc:

✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 15,5 tỷ. Trong đó đào đất đá đạt 479.914m³/527.266m³.

1.9 Công trình Hòa Liên:

✓ Sản lượng thực hiện năm đạt 4,7 tỷ.

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch.
- Ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai dẫn đến việc triển khai thi công gặp nhiều khó khăn.

IV. Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2020.

1. Những mặt đã làm được:

1.1 Công tác tổ chức:

- Thực hiện sắp xếp các phòng nghiệp vụ Công ty đảm bảo tinh gọn, phù hợp với công tác tổ chức sản xuất hiện nay của Công ty (NQ 46/2020/NQ-HĐQT ngày 18/8/2020 của Hội đồng quản trị Công ty).
- Đã thực hiện định biên nhân sự các phòng nghiệp vụ giai đoạn 2020-2021 theo mô hình tổ chức đã được phê duyệt (QĐ số 222/QĐ-TCNS ngày 8/9/2020 của TGD Công ty).
- Phê duyệt mô hình tổ chức sản xuất và định biên nhân sự của Nhà máy thủy điện Pake đến hết năm 2020 (QĐ số 211a/QĐ-TCNS ngày 31/8/2020 của TGD Công ty).
- Thực hiện phân công nhiệm vụ thành viên BDH gói thầu Hòa Liên (Số 01/TB-BĐHHL ngày 3/9/2020 của Giám đốc BDH Hòa Liên) và ban hành Sơ đồ tổ chức BDH Hòa Liên.
- Công tác bổ nhiệm cán bộ Trưởng, Phó các phòng ban sau khi sắp xếp; điều động nhân sự giữa các phòng nghiệp vụ; xây dựng mô tả công việc từng vị trí từ nhân viên đến trưởng, phó các phòng ban.
- Thành lập BQL Tòa nhà; Xây dựng quy chế hoạt động của Ban quản lý Tòa nhà Sông Đà 9; Quy chế quản lý và sử dụng Tòa nhà Sông Đà 9; Quy trình vận hành tòa nhà.

1.2 Công tác nhân sự:

- Lao động bình quân (LĐBQ) toàn Sông Đà 9 năm 2020 là 580 người cả B phụ, riêng SD9 là 383 người, trong đó gián tiếp, phục vụ chiếm 35%, trực tiếp là 65%; Cán bộ khoa học, nghiệp vụ đến tháng 12/2020 là 139 người, Công nhân kỹ thuật 181 người, Lao động thời vụ 39 người và lao động thuê ngoài 58 người.
- Công tác tuyển dụng:
 - + Tổng số CBCNV tuyển dụng năm 2020: 135 người.
 - + Tổng số CBCNV nghỉ thôi việc năm 2020: 179 người.
- Công tác đào tạo:
 - + Tổng số CBCNV đào tạo năm 2020 : 102 lượt người (70 triệu đồng).

1.3 Tài chính và nguồn vốn.

- Đã làm việc với các ngân hàng cơ cấu lại các khoản nợ phải trả.
- Đã lập kế hoạch thu hồi vốn cụ thể đối với từng dự án; Ban TGD đã phân công cho từng cá nhân phụ trách nhưng việc triển khai chưa đạt yêu cầu đề ra do các cá nhân được phân công chưa quyết liệt đề ra các biện pháp giải quyết.
- Đã làm việc với TCT Sông Đà về phương án thu hồi vốn và giải quyết các tồn tại của dự án Nậm Theun. Làm việc với CĐT tạm ứng tiền các công trình Hòa Liên. Thu hồi được công nợ CT Nậm Thuen, Nậm Chiến.
- Xây dựng kế hoạch chi tiết cấp nguồn vốn tối thiểu cho các công trường .
- Cân đối trả nợ khách hàng, lập kế hoạch chi trả khách hàng để đảm bảo được nguồn khách hàng cần thiết.

- 1.4 Công tác tái cấu trúc: Rà soát tái cấu trúc tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Công ty chưa thực hiện được do các khoản đầu tư có giá trị giao dịch trên thị trường đều dưới mệnh giá, không có giao dịch hoặc lượng giao dịch quá ít (SD1, SDH, ASD). Đối với Công ty CP đầu tư và phát triển Vân Phong Công ty chưa tìm được nhà đầu tư để chuyển nhượng.
- 1.5 Công tác đầu tư: Thực hiện đầu tư dự án thủy điện Pake theo đúng quy định của Nhà nước cũng như của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP; Hoàn thành chạy không tải và phát điện thương mại ngày 25/11/2020.
- 1.6 Công tác tiếp thị đấu thầu:
- Bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu tại đơn vị gồm 5 người, đội ngũ cán bộ đủ trình độ làm công tác đấu thầu.
 - Kết quả trúng thầu năm 2020: đạt 287 tỷ, cụ thể là gói thầu thiết kế, cung cấp thiết bị và xây lắp công trình nhà máy nước Hòa Liên.
- 1.7 Công tác kinh tế.
- Báo cáo kịp thời tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh phục vụ họp Ban chấp hành Đảng bộ và họp Hội đồng quản trị Công ty;
 - Kiểm soát công tác ký kết các hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành;
 - Công tác đầu tư: Kiểm tra giám sát tình hình đầu tư theo đúng pháp luật; Thẩm định dự án, Tổng dự toán và phê duyệt dự toán; giải quyết các vướng mắc về kinh tế kịp thời;
 - Quyết toán xong các công trình như: Lai Châu, Huội Quảng, Nậm Chiến, Sơn La; các công trình còn vướng mắc chưa quyết toán xong bao gồm: Xekaman 1, Xekaman 3, Nậm Theun1, Nhà Quốc hội (Nhà Quốc Hội với Sông Đà 6, Chủ đầu tư đã QT và chuyển tiền về SD6 nhưng SD6 chưa QT và Thanh toán cho SD9 giá trị: 3,0 tỷ) các công trình khác nguyên nhân do vướng mắc từ phía CĐT chưa thống nhất được biện pháp, khối lượng và TDT; một phần do CĐT thiếu vốn nên chưa muốn quyết toán).
 - Thành lập các Tổ nghiệp vụ: Tổ quản lý hợp đồng; Tổ phân tích kết quả SXKD; Tổ xây dựng, sửa đổi quy chế của Công ty phù hợp với phân cấp của TCT và thực tế SXKD của Công ty đảm bảo tính tuân thủ quy chế của Công ty và đồng bộ trong tổ chức điều hành các công trình.
- 1.8 Công tác kỹ thuật.
- Kiểm soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, thu vốn các công trình.
 - Chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác nghiệm thu, quyết toán công trình Xekaman1, Đồng Nai 5, Đắc My 2...
 - Hoàn thành các thủ tục phục vụ công tác đánh giá giám sát chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và hệ thống quản lý ATSKNN - MT theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 VÀ OHSAS 45001:2018.
 - Công tác kiểm soát mục tiêu, tiến độ các công trường chưa thực sự đồng bộ, việc

xây dựng kế hoạch chưa đánh giá hết rủi ro tại các dự án dẫn tới các mục tiêu tiến độ trên một số công trường không hoàn thành theo kế hoạch đề ra như Pake, F2, Long Phú, gói thầu số 3,4 Yên Xá....

1.9 Công tác quản lý XMTB, vật tư.

- Cân đối và điều chuyển XMTB bảo đảm năng lực thi công trên các công trường;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng, mua sắm VTPT, VL hàng tháng, quý phục vụ nhu cầu thi công trên các công trình;
- Xây dựng quy chế quản lý XMTB cho thuê.
- Bám sát định mức nội bộ, hàng tháng quyết toán nhiên liệu cho từng đầu XMTB.
- Xây dựng và ban hành quy định về chế độ bảo dưỡng XMTB theo lượng nhiên liệu tiêu hao thực tế bảo đảm chất lượng bảo dưỡng đối với những XMTB đã hỏng đồng hồ đo km, giờ hoạt động của động cơ.

2. Những khó khăn, tồn tại:

- Năm 2020 là năm thế giới có nhiều biến động khi dịch bệnh Covid-19 lây lan mạnh khiến cho nhiều ngành nghề bị ảnh hưởng trong đó có ngành xây dựng.
- Thị trường xây dựng ngày càng cạnh tranh, ngành nghề xây lắp cơ giới và thủy điện thuộc thế mạnh của Sông Đà 9 ngày càng ít trong khi có nhiều công ty và nhà thầu có cùng lĩnh vực và ngành nghề.
- Đơn giá xây lắp của Sông Đà 9 còn thiếu cạnh tranh, chưa tiếp cận được sát với đơn giá thị trường. Hiện công ty đang trải qua giai đoạn khó khăn về tài chính, nhiều dự án bị chậm tiến độ, ảnh hưởng đến việc tiếp cận và chào giá gói thầu.
- Các thông tin về các dự án còn ít, chưa có cách tiếp cận cụ thể, các dự án chủ yếu thông quan mối quan hệ của lãnh đạo công ty. Chưa có mạng lưới đối tác khách hàng, v.v.
- Công tác quyết toán tại một số công trình đã thi công xong như Xekaman1, XKM 3, Nam Thuen 1 chậm so với yêu cầu – Nguyên nhân do thiếu cán bộ để làm hồ sơ, CĐT thiếu vốn.
- Tiến độ thi công hầu hết tại các công trình đều chậm, công tác chuẩn bị cho sản xuất chưa đạt yêu cầu đề ra, nhân lực, thiết bị và tài chính đáp ứng cho công trường chưa đảm bảo dẫn đến tình trạng luôn luôn không đạt kế hoạch và tiến độ đã đề ra; cán bộ làm công tác hồ sơ nghiệp vụ phục vụ cho công tác nghiệm thu thanh toán thiếu và yếu ko đảm bảo để nghiệm thu, thanh toán để có vốn phục vụ cho sản xuất.
- Công nợ lớn, chưa có giải pháp cho việc thu hồi công nợ khó đòi đặc biệt các công trình Xekaman1, Xekaman3 và Nam Thuen 1;
- Việc giải quyết các thủ tục đầu tư với các sở ban ngành, địa phương chưa tốt dẫn đến vướng các thủ tục đầu tư đi kèm
- Việc thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được trong năm do thị trường chứng khoán trong nước giảm sút.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2021
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	780
-	Giá trị xây lắp	“	597
-	Giá trị sản xuất công nghiệp	“	155
-	Giá trị kinh doanh khác	“	28
2	Doanh thu	“	900
3	Tiền về tài khoản	“	596
4	Nộp Ngân sách	“	44
5	Lợi nhuận trước thuế	“	5
6	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	11.250
7	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁹ đ	92

2. Kế hoạch sản lượng các công trình năm 2021

TT	Công trình	ĐVT	Kế hoạch
1	Nhiệt điện Long Phú	Tỷ đồng	28,3
2	Gói thầu F2	Tỷ đồng	212,3
3	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Tỷ đồng	3,1
4	Hồ chứa nước Cảnh Tạng	Tỷ đồng	55,8
5	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá	Tỷ đồng	76
6	Nhà máy nước Hòa Liên	Tỷ đồng	140
7	Thủy điện Tân Lộc	Tỷ đồng	2,8
8	Đầu tư xây lắp thủy điện Pake	Tỷ đồng	32
9	Sản xuất điện Nậm Khánh	Tỷ đồng	45
10	Sản xuất điện Pake	Tỷ đồng	110
11	Hoạt động tài chính, kinh doanh nhà và dịch vụ	Tỷ đồng	28
12	Công trình dự kiến	Tỷ đồng	47
	Tổng cộng	Tỷ đồng	780

3. Mục tiêu, tiến độ, khối lượng năm 2021

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng
1	Bê tông CVC	m ³	86.666
2	Đào đất đá	m ³	800.867
3	Đắp đất đá	m ³	404.893
4	Gia cố bằng cọc BTCT	m	64.929
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	3.293
6	Hố ga	hố	81
7	Giếng tách	cái	38
8	Khoan phun, khoan thoát nước	md	7.119

3.1 Thủy điện PaKe:

Thủ tục pháp lý, bồi thường GPMB:

- Hoàn thành phê duyệt phương án an toàn đập.
- Hoàn thành cấp giấy CNQSD đất đợt 3 (phạm vi huyện Bắc Hà và diện tích đất mặt nước sông ngòi tỉnh Lào Cai).
- Hoàn thành cấp giấy CNQSD đất phạm vi lòng hồ và đường dây 110kv địa phận huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
- Hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường GPMB (phần hỗ trợ) khu vực lòng hồ huyện Xín Mần.
- Hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường GPMB và Quyết định thu hồi đất Đường dây 110kv huyện Xín Mần;

Công tác thi công:

- Hoàn thành thi công bê tông hạ lưu kênh xả, bê tông rãnh cấp, bê tông gia cố mái vai phải
- Hoàn thành công tác gia cố vai phải và xử lý sạt VH2.
- Hoàn thành công tác xây đá rãnh thoát nước đường VH2.

Công tác thiết bị:

- Thiết bị CKTC: Hoàn thiện và bàn giao cho bên QLVH.
- Thiết bị cơ điện: hoàn thiện và bàn giao thiết bị, công nghệ cho bên QLVH.

Công tác đường dây, đấu nối:

- Hoàn thành hồ sơ quyết toán công trình đường dây 110KV trước 31/01/2021.
- Hoàn thành hồ sơ quyết toán toàn bộ dự án thủy điện Pake trước 25/5/2021.

3.2 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 212 tỷ. Trong đó:
- Hoàn thành gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng với Chủ đầu tư xong trước 31/3/2021

- Hoàn thành 100% công tác thi công đóng cọc BTCT toàn bộ công trình trước 30/06/2021
- Hoàn thành thi công bê tông các loại phạm vi 2 bờ Kênh Tàu Hũ, Kênh Ngang 3 trước 30/09/2021
- Hoàn thành nạo vét kênh, đắp cát, dầm lọc, trải vải địa kỹ thuật và cải tạo cảnh quan công trình 31/12/2021.

3.3 Công trình Tân Mỹ:

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 3,1 tỷ. Trong đó:
 - Thi công hoàn thành 15/15 Block bê tông đỉnh đập phụ 4 và bê tông đường vào trước 28/02.
 - Hoàn thành lắp dựng lan can đỉnh đập phụ 4 trước 31/03.

3.4 Công trình Long Phú:

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 28,3 tỷ. Trong đó:
 - Hoàn thành 100% công tác đắp cát xử lý nền đập và trải vải địa kỹ thuật trước 30/06.

3.5 Hồ chứa Cánh Tạng:

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 55,8 tỷ. Trong đó:
 - Hoàn thành công tác bê tông gia cố mái thượng lưu, hạ lưu đập chính và bê tông đỉnh đập.
 - Thi công xong hạng mục đầu tràn trước 30/12/21.
 - Thi công xong bê tông dốc nước xong trước 30/03/21.
 - Thi công bê tông gia cố mái dốc nước xong trước 30/03/21.
 - Hoàn thành công tác đắp đất, trồng cỏ dốc nước, mái hạ lưu đập trước 30/12/21.

3.6 Công trình Yên Xá (gói 3):

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 33,9 tỷ. Trong đó:
 - Hoàn thành thi công lắp đặt cống HDPE, uPVC, lắp dựng hồ ga và thi công giếng tách tuyến đào mở sông Sét trước 31/05/21; hoàn thành tuyến cống chính đào mở sông Lừ từ HG 21.0 đến HG 22.6-25 trước 31/06/21.

3.7 Công trình Yên Xá (gói 4):

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 42 tỷ. Trong đó:
 - Hoàn thành thi công lắp đặt cống HDPE, uPVC, lắp dựng hồ ga và thi công giếng tách tuyến KĐT Đại Thanh trước 15/03/21; tuyến Ngõ 111 trước 15/08/21; tuyến cầu Hữu Hòa trước 17/12/21; hoàn thành 80% tuyến Thanh Bình B; Hoàn thành toàn bộ tuyến ống treo trước 04/06/21 và tuyến ống D700 Thanh Bình trước 26/11/21.

3.8 Thủy điện Tân Lộc

- ✓ Kế hoạch sản lượng: 2,9 tỷ. Trong đó:
 - Hoàn thành công tác thi công đất đá còn lại tại công trình:
 - + Thi công Kênh xả xong trước 28/01/21
 - + Thi công Thanh thải hạ lưu xong trước 31/03/21.

3.9 Công trình Hòa Liên

✓ Kế hoạch sản lượng: 140 tỷ. Trong đó:

- Hoàn thành toàn bộ công tác thi công cơ giới cụm đập dâng trước 30/06/21.
- Hoàn thành toàn bộ công tác cải tạo, kè kênh hạ lưu trước 31/07/21.
- Hoàn thành thi công toàn bộ công tác bê tông xây lắp cụm đập dâng trước 30/10/21.
- Hoàn thành công tác khoan phun chống thấm, khoan phun gia cố nền đập trước 30/09/21.
- Hoàn thành công tác gia công, lắp đặt toàn bộ thiết bị CKTC trước 30/10/21.

II. Các giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành kế hoạch năm 2021:

- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2021 cũng như các năm tiếp theo. Xây dựng kế hoạch SXKD tháng, quý trên cơ sở mục tiêu tiến độ được phê duyệt; giải pháp thực tiễn để thực hiện.
- Sắp xếp đội ngũ gián tiếp tại các phòng ban, chi nhánh để giảm bớt đầu mối và đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu SXKD hiện nay của Công ty, giảm tỷ lệ gián tiếp xuống 25%. Trưởng các phòng nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc bắt buộc phải phân giao nhiệm vụ, công việc cụ thể cho từng nhân viên, đánh giá KPI, từ đó sàng lọc những cá nhân không phù hợp trong phòng ban và đơn vị mình.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công.
- Tìm mọi biện pháp, giải pháp như tăng cường nghiệm thu, thanh toán; chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ, giảm công nợ cá nhân, công nợ khó đòi đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của Công ty (đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất, trả nợ các tổ chức tín dụng, trả lương và các chế độ cho người lao động, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước).
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí cho từng công trình; quản lý theo giá thành các công trình đã được phê duyệt, đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận đã tính toán.
- Rà soát thật cụ thể tình hình sản xuất tại các công trường từ XMTB, Vật tư, con người để điều động tăng cường bổ sung cho các nơi còn thiếu, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị, Tuyển dụng bổ sung bố trí đủ lực lượng lao động; xe máy thiết bị; các vật tư thiết yếu để thi công các công trình.
- Kiểm kê, rà soát các XMTB hết khấu hao, không có khả năng tái sử dụng tại các công trường để đề nghị chủ sở hữu tiến hành bán thanh lý, thu hồi vốn cho sản xuất.
- Xây dựng chiến lược nhân sự đáp ứng yêu cầu sản xuất, thi công trong điều kiện mới, mô hình quản lý theo dự án và hạch toán khoán quản.
- Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng XMTB để đảm bảo đủ năng lực thi công; xây dựng lại Bảng giá ca máy cho thuê phù hợp với thị trường và tình trạng XMTB hiện nay để từng bước tham gia thị trường cho thuê XMTB.

- Xây dựng chương trình, lộ trình để thoái các khoản đầu tư về tài chính. Có một kế hoạch tài chính ngắn hạn, rõ ràng.
- Phân tích kết quả hoạt động SXKD hàng tháng theo từng công trình, xác định các tồn tại, yếu kém, bất cập để có hướng khắc phục nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài, các dự án hạ tầng kỹ thuật lớn trên cả nước.
- Tiếp cận các dự án giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh.
- Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài (ODA) như WB, ADB, JK...
- Tiếp tục tìm kiếm việc làm từ các công trình thủy điện vừa và nhỏ trong và ngoài nước.
- Công tác đầu tư: Kiểm tra giám sát, thực hiện đầu tư theo đúng quy chế, pháp luật hiện hành, quyết toán dự án thủy điện Pake;
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị;

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2020; kế hoạch SXKD năm 2021 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2020, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	
I	Tổng giá trị SXKD	10. ⁹ đ	710	419	59	780
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10. ⁹ đ	550	318	58	597
2	Giá trị kinh doanh công nghiệp	10. ⁹ đ	130	66	50	155
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10. ⁹ đ	30	35	116	28
II	Kế hoạch tài chính					
1	Doanh số	10. ⁹ đ	717	389	54	972
2	Tổng doanh thu	10. ⁹ đ	663	357	54	900
3	Tiền về tài khoản	10. ⁹ đ	667	464	70	596
4	Nộp Ngân sách	10. ⁹ đ	46	26	58	44
5	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10. ⁹ đ	32,90	3,15	10	5,00
	- Lợi nhuận sau thuế	10. ⁹ đ	30,60	1,43	5	5,00
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	4,96	0,88	18	0,56
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	4,95	0,24	5	0,85
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	1,31	0,06	5	0,22
7	Vốn chủ sở hữu	10. ⁹ đ	618	585	95	590
8	Vốn điều lệ	10. ⁹ đ	342	342	100	342
9	Tổng tài sản	10. ⁹ đ	2.329	2.275	98	2.240
10	Nợ phải trả	10. ⁹ đ	1.710	1.690	99	1.650
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	2,77	2,89	104	2,80
11	Hệ số nợ phải trả/(VDL)	lần	5,00	4,94	99	4,82
12	Tỷ lệ cổ tức	%	8	0		-
III	Lao động và tiền lương					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	600	383	64	500
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10. ³ đ	11.928	10.160	85	11.250
B	Kế hoạch đầu tư	10. ⁹ đ	25	64	254	92

PHÒNG KINH TẾ - PHÁP CHẾ

Nguyễn Hải Sơn

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO
THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2020, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	NĂM 2021	CÓ HỢP ĐỒNG	CHƯA CÓ HỢP ĐỒNG
	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	10 ³ đ	710.000.000	418.983.067	59	780.200.000	733.300.000	47.000.000
*	Xây lắp	"	550.000.000	318.430.151	58	597.200.000	550.300.000	47.000.000
*	Phục vụ xây lắp	"	30.000.000	34.942.587	116	28.000.000	28.000.000	-
*	Sản xuất công nghiệp	"	130.000.000	65.610.328	50	155.000.000	155.000.000	-
A	CÔNG TY CỔ PHẦN SD9	10 ³ Đ	710 000 000	418.983.067	59	780.200.000	733.300.000	47.000.000
I	SẢN LƯỢNG XÂY LẮP	10 ³ Đ	550 000 000	318.430.151		597.200.000	550.300.000	47.000.000
*	Các công trình chuyển tiếp & đã ký HĐ	103đ	504 946 000	318.430.151		550.200.000	550.300.000	-
A1	Công trình thủy điện, thủy lợi	10 ³ đ		16.342.254		2.859.628	2.859.628	-
1	Thủy điện Sơn La	10 ³ đ		- 344 325				
*	Các hạng mục khác	10 ³ đ		- 344 325				
2	Thủy điện Huội Quảng	10 ³ đ		487 537				
*	Bào bù sản lượng	10 ³ đ		487 537				
3	Thủy điện Lai Châu	10 ³ đ		928 439				
*	Bào bù sản lượng	10 ³ đ		928 439				
4	Thủy điện Nậm Chiến	10 ³ đ		- 231 074				
	Bào bù sản lượng	10 ³ đ		- 231 074				
5	Công trình Tân Lộc	10 ³ đ		15 501 678		2 859 628	2 859 628	
	Đào đất, đá	m ³		471 913		95 462	95 462	
	Đắp đất, đá	m ³		8 001				
A2	Công trình nhiệt điện, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác	10 ³ đ	499 515 000	289 943 031		515 400 000	515 500 000	
1	Nhiệt điện Long Phú	10 ³ đ	81 946 298			28 268 359	28 268 359	
-	Đắp cát xử lý nền đập	m3	31 416			15 708	15 708	
-	Đắp đất thân đập	m3	159 067			57 782	57 782	
-	Đắp cát thân đập	m3	143 052			71 526	71 526	

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	NĂM 2021	CÓ HỢP ĐỒNG	CHƯA CÓ HỢP ĐỒNG
-	Trái tấm HDPE + GCL	m ³	43 503			27 894	27 894	
-	Vải địa kỹ thuật	m ³				48 140	48 140	
2	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh		198 239 321	134 063 277	68	212 502 329	212 502 329	
-	Nạo vét bùn	m ³	180 000	10 000		327 778	327 778	
-	Đào đất	m ³	24 000	10 877		25 156	25 156	
-	Bê tông	m ³	11 000	6 463		9 235	9 235	
-	Cọc ván BTCT (cọc SW-400B)	md	27 836	14 580		17 353	17 353	
-	Cọc ống BTCT (D500)	md	50 438	25 345		29 229	29 229	
-	Cọc ống BTCT (D600)	md	25 500	7 153		18 347	18 347	
-	Vải địa kỹ thuật	m ²	48 000	3 727		54 994	54 994	
-	Cọc cứ Larsen	md		32 199		61 481	61 481	
-	Đắp cát	m ²		6 849		57 630	57 630	
3	Hồ chứa nước Bán Lái	10 ³ đ	29 394 565	22 652 248	77			
	Đổ bê tông RCC	m ³	86 387	86 488				
	Bê tông GEVR	m ³	14 713	16 000				
4	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	10 ³ đ	64 183 000	109 329 922	170	3 139 500	3 139 500	
	Khai thác đá	m ³	49 859	37 442				
	Đào đất	m ³		281				
	Đào đá	m ³		3 643				
	Bê tông RCC	m ³	19 640	64 590				
	Bê tông CVC	m ³	6 100	6 352		1 150	1 150	
	Khoan xử lý chống thấm, khoan thoát nước	m	50 900					
	Bê tông M200 đá 2x4 móng + đứt gậy	m ³		2 283				
	Lắp dựng lan can đỉnh đập	tấn		40				
5	Hồ chứa nước Cảnh Tạng	10 ³ đ	36 682 682	10 719 217	29	55 815 790	55 815 790	
	Bê tông gia cố mái	m ³	3 200	2 208		3 200	3 200	
	Xây đá học VXM M100	m ³	700			700	700	
	Trồng cỏ	100m ²	125			125	125	
	Bê tông bù hồ móng	m ³				3 000	3 000	
	Bê tông bản đáy	m ³				2 381	2 381	
	Bê tông tường thượng lưu và hông tràn	m ³				3 445	3 445	
	Bê tông trụ pin và mặt công tràn	m ³				3 195	3 195	
	Bê tông dốc nước	m ³	15 800	811		5 791	5 791	
	Bê tông cống dẫn dòng	m ³	2 900	792				
	Trồng cỏ	100m ²		2 500		2 573	2 573	

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2020		KẾ HOẠCH NĂM 2021			
			THỰC HIỆN NĂM 2020		NĂM 2021	CƠ HỢP ĐỒNG	CHƯA CÓ HỢP ĐỒNG	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN				%HT
	Khoan neo gia cố	m		2 000				
	Bê tông gia cố mái	m ³		120	4 200	4 200		
6	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (gói 4)	10 ³ đ	57 308 003	5 954 699	42 163 677	42 163 677		
	Thi công tuyến cống các loại	mđ	2 226	638	2 086	2 086		
	Thi công hố ga các loại	hố	77	11	63	63		
	Thi công giếng tách	cái	66		18	18		
7	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (gói 3)	10 ³ đ	31 761 448	2 451 205	33 888 427	33 888 427		
	Thi công tuyến cống các loại	mđ	445	16	286	286		
	Thi công cống HDPE các loại	mđ	19	54	219	219		
	Thi công ống chính RC 1200	mđ	1 200		770	770		
	Thi công hố ga các loại	hố	11	10	16	16		
	Thi công giếng tách	cái	34	8	26	26		
8	Công trình Hòa Liên	10 ³ đ		4 772 464	139 659 671	139 759 671		
*	Đập đầu mới							
	Đào đất	m ³		25 470	57 849	57 849		
	Đào đá	m ³		1 246	2 000	2 000		
	Đắp đất	m ³		17 250	10 000	10 000		
	Đắp đá	m ³		2 960	843	843		
	Bê tông	m ³			30 733	30 733		
	Cốt thép	tấn		89	990	990		
	Khoan chống thấm	m			1 519	1 519		
	Khoan gia cố nền	m			3 700	3 700		
	Xây đá hộc	m ³			1 448	1 448		
	Dỡ dè quây	m ³			11 134	11 134		
*	Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công	tấn			820	820		
A3	Công trình dự kiến	10 ³ đ	45 054 000		47 000 000		47 000 000	
	Đào đất	m ³			200 000		200 000	
	Đào đá	m ³			75 000		75 000	
	Đắp đất đá	m ³			28 000		28 000	
	Bê tông CVC	m ³			21 000		21 000	
	Khoan phun	m			2 500		2 500	
A4	Công trình do SPD đầu tư	10 ³ đ	5 431 000	12 144 866	31.963.620	31.963.620		
1	Công trình thủy điện Pake	10 ³ đ	5 431 000	12 144 866	31.963.620	31.963.620		
	- Bê tông	m ³	1 053	2 200	1 500	1 500		

STT	CÔNG TRÌNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	NĂM 2020		KẾ HOẠCH NĂM 2021			
			THỰC HIỆN NĂM 2020		NĂM 2021	CÓ HỢP ĐỒNG	CHƯA CÓ HỢP ĐỒNG	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN				%HT
	- Bê tông gia cố mái	m ³			2 000	2 000		
	- Phụ vữa	m ³			1 500	1 500		
	- Bê tông mặt đường	m ³		426	1 255	1 255		
	- Gia cố mái (phun vữa)	m ²	3 500		13 518	13 518		
	- Đào đất đá thanh thải	m ³		20 200				
	- Đắp đá gia cố hạ lưu	m ³			2 000	2 000		
+	Đê quây hạ lưu nhà máy	10³đ						
	- Đào đất	m ³						
+	Hố móng vai phải	10³đ						
	Đào đất	m ³						
	Đào đá	m ³						
+	Hố móng nhà máy	10³đ						
	Đào đất	m ³						
	Đào đá	m ³						
+	Sắt vai trái	10³đ						
	- Đào đất, đá	m ³						
	- Đào đá	m ³						
+	Trạm phân phối	10³đ	661 722	1 970 367				
	- Đào đất	m ³						
	- Đào đá	m ³		86				
	Bê tông	m ³	480	1 423				
II	KINH DOANH VTTB PT VÀ DỊCH VỤ	"	7 000 000	9 152 456		8 000 000	8 000 000	
III	SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP	"	130 000 000	65 610 328		155 000 000	155 000 000	
1	Thủy điện Nậm Khánh	"	40 000 000	51 613 265	129	45 000 000	45 000 000	
-	Sản lượng điện	kw	33 150 000	39 959 156		34 615 385	34 615 385	
2	Thủy điện Pake	"	90 000 000	13 997 063	16	110 000 000	110 000 000	
	Sản lượng điện	kw	66 200 000	7 926 286		78 571 429	78 571 429	
IV	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, HD KHÁC	10 ³ đ	23 000 000	25 790 131		20 000 000	20 000 000	

BÁO CÁO
GIÁ TRỊ THU VỐN NĂM 2020, KẾ HOẠCH THU VỐN NĂM 2021

TT	Công trình	ĐVT	Đã dang đến 31/12/2019	SLTH năm 2020	Thu vốn năm 2020			Đã dang 31/12/2020	Kế hoạch năm 2021		Ước dở dang 31/12/2021	Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn		
	Giá trị SXKD	10 ³ đ	366.743.905	418.983.067	717.356.109	388.956.919	54	396.770.053	780.300.000	972.326.903	159.641.592	
1	Thủy điện Nậm Chiến	10 ³ đ	-	231.074	-	231.074						
2	Thủy điện Sơn La	10 ³ đ	-	344.325	-	344.325		5.306.440		5.306.440	-	
3	Thủy điện Xekaman3	10 ³ đ	5.306.440									
4	Thủy điện Huội Quảng	10 ³ đ	(0)	487.537		487.537						
5	Thủy điện Lai Châu	10 ³ đ	-	928.439		928.439						
6	Thủy điện XeKaman1	10 ³ đ	102.526.332		50.000.000	2.524.941		100.001.391	100.001.391	100.001.391	706.776	
7	Thủy điện Nậm Thuen 1	10 ³ đ	62.829.702		66.280.117			62.829.702	50.000.000	50.000.000	9.379.289	
8	Thủy điện Đồng Nai 5	10 ³ đ	4.902.830		4.902.830			4.902.830	4.902.830	4.902.830	-	
9	Thủy điện Đăk Mi II	10 ³ đ	6.779.234		6.779.233	3.287.139		3.492.095	3.492.095	3.492.095	-	
10	Nhà Quốc Hội	10 ³ đ	1.465.745		1.465.745			1.465.745	1.465.745	1.465.745	-	
11	Thủy điện Tân Thượng	10 ³ đ	60.711.980		40.711.978			60.711.980	50.000.000	50.000.000	10.711.980	
12	Công trình thủy điện Pake	10 ³ đ	64.882.983	12.144.866	68.667.646	10.072.237		66.955.612	31.963.620	80.764.833	3.036.380	
13	Thủy điện Sơn Giang	10 ³ đ	6.022.564		6.022.565			6.022.564	6.022.564	6.022.564	-	
14	Nhiệt điện Long Phú	10 ³ đ	7.974.136		42.811.450			7.974.136	28.268.359	30.806.121	5.436.374	
15	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	10 ³ đ	11.230.582	134.063.277	94.261.456	128.383.904		16.909.955	212.502.329	205.861.442	22.288.187	
16	Hồ chứa nước Bản Lài	10 ³ đ	3.298.775	22.652.248	32.693.340	20.777.393		5.173.631		7.676.902	-	
17	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	10 ³ đ	25.362.192	109.329.922	76.113.413	89.480.416		45.211.698	3.139.500	14.339.995	7.623.578	
18	Công trình Cảnh Tạng	10 ³ đ	-	10.719.217	15.000.000	8.590.974		2.128.243	55.815.790	44.700.736	11.175.184	
19	Công trình Yên Xá	10 ³ đ	-	8.405.904	50.000.000	8.201.005		204.899	76.052.104	56.915.319	24.392.280	
20	Công trình Tân Lộc	10 ³ đ	-	15.501.678		13.126.349		2.375.329	2.859.628	4.253.726	-	
21	Công trình Hòa Liên	10 ³ đ		4.772.464				4.772.464	139.659.671	102.816.765	43.964.328	
22	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC, HĐ #	10 ³ đ	3.450.414	34.942.587	31.646.336	38.061.657		331.345	28.000.000	28.000.000	-	

TT	Công trình	ĐVT	Dở dang đến 31/12/2019	SLTH năm 2020	Thu vốn năm 2020			Dở dang 31/12/2020	Kế hoạch năm 2021		Ước dở dang 31/12/2021	Ghi chú
					Kế hoạch	Thực hiện	%HT		Sản lượng	Thu vốn		
23	Công trình dự kiến khác	10 ³ đ	-			-		-	47.000.000	20.000.000	27.000.000	
24	Sản xuất công nghiệp	10 ³ đ	-			-		-			-	
-	Nệm Khánh	10 ³ đ	-	51.613.265		51.613.265		-	45.000.000	45.000.000	-	
-	PaKe	10 ³ đ	-	13.997.063		13.997.063		-	110.000.000	110.000.000	-	

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2020, KẾ HOẠCH 2021

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN Năm 2020	TỶ LỆ HT NĂM	KẾ HOẠCH NĂM 2021
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	103đ	710.000.000	418.983.067	59%	780.200.000
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	103đ	717.356.111	388.956.919	54%	972.326.903
1	Doanh thu	103đ	663.118.032	356.643.908	54%	899.966.603
a	HĐ SX kinh doanh	103đ	641.698.032	330.871.317	52%	879.617.603
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	21.420.000	25.772.591	120%	20.349.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	54.238.079	32.313.012	60%	72.360.300
III	THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN	103đ	667.140.000	464.019.777	70%	596.217.364
V	LỢI NHUẬN			-		
1	Mức lợi nhuận trước thuế	103đ	32.900.000	3.154.474	10%	5.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	2.296.000	1.457.854	63%	-
2	Lợi nhuận sau thuế	103đ	30.604.000	1.435.604	5%	5.000.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận			0		
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	5,0%	0,9%	18%	0,6%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	8,9%	0,4%	5%	1,5%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	5,0%	0,2%	5%	0,8%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1,3%	0,1%	5%	0,2%
VI	CÁC KHOẢN NỘP NS	10 3 đ	45.823.696	26.367.831	58%	44.429.795
1	Các khoản nộp nhà nước	103đ	36.870.152	19.480.596	53%	36.853.836
	- Thuế GTGT phải nộp	103đ	22.779.993	10.518.712	46%	21.708.090
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	2.296.000	1.457.854	63%	-
	- Thuế khác	103đ	11.794.159	7.504.029	64%	15.145.746
2	Các khoản nộp khác	103đ	8.953.544	6.887.235	77%	7.575.959
	BHXH; y tế; BHTN	103đ	8.953.544	6.887.235	77%	7.575.959
VII	TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	600	326	54%	500
2	CBCNV bình quân	người	600	383	64%	500
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	85.881.000	46.695.482	54%	67.502.155
4	Các khoản thu nhập khác	103đ		-		
5	Tổng thu nhập	103đ	85.881.000	46.695.482	54%	67.502.155
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	11.928	10.160	85%	11.250
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	11.928	10.160	85%	11.250
VIII	TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ			-		
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	103đ	1.081.867.863	623.453.217	58%	1.197.969.741
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	72.505.249	42.422.299	59%	66.303.189
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	6,7%	6,8%	102%	5,5%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	938.642.849	938.642.849	100%	1.698.186.197
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	1.686.612.590	1.698.186.197	101%	1.698.186.197
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	900.300.366	942.270.001	105%	875.966.812
IX	VỐN K.DOANH ĐẾN CKỶ	103đ	1.724.808.412	1.475.124.695	86%	1.639.883.977
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	614.503.870	585.335.473	95%	590.099.793
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000
	Vốn góp của TCT SĐà	103đ	200.269.440	200.269.440	100%	200.269.440

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN Năm 2020	TỶ LỆ HT NĂM	KẾ HOẠCH NĂM 2021
	Vốn của các cổ đông	103đ	142.070.560	142.070.560	100%	142.070.560
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	103đ	219.965.678	219.965.678	100%	220.117.358
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	30.797.483	1.629.086	5%	6.241.726
e	Nguồn vốn khác	103đ		-		
f	Vốn chủ sở hữu khác	103đ		-		
g	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	103đ		-		
2	Nguồn vốn vay	103đ	1.110.304.542	889.789.222	80%	1.049.784.184
	- Vay ngắn hạn	103đ	500.000.000	400.942.350	80%	500.000.000
	- Vay dài hạn	103đ	610.304.542	488.846.872	80%	549.784.184
3	Tổng tài sản	103đ	2.324.808.412	2.275.124.695	98%	2.239.883.977
4	Nợ phải trả	103đ	1.710.304.542	1.689.789.222	99%	1.649.784.184
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	2,78	2,89	104%	2,80
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,81	1,52	84%	1,78
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	5,00	4,94	99%	4,82
X	CỔ TỨC	%	8,0%	-		

BÁO CÁO
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2020, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐVT	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2020				THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2020				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021			
			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ			TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ		
				XÂY LẬP	THIỆT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẬP	THIỆT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY		XÂY LẬP	THIỆT BỊ	CP KHÁC +LÃI VAY
A	CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9	10 ⁶ đ	25.431.000	25.431.000		64.480.315	12.144.866	4.048.691	48.286.758	92.328.767	31.963.620	8.030.336	52.334.811	
I	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	25.431.000	25.431.000		64.480.315	12.144.866	4.048.691	48.286.758	92.328.767	31.963.620	8.030.336	52.334.811	
1	Thủy điện PaKe	"	25.431.000	25.431.000		64.480.315	12.144.866	4.048.691	48.286.758	92.328.767	31.963.620	8.030.336	52.334.811	
2	Thủy điện Năm Khánh B	"												
II	Đầu tư nâng cao năng lực T.bị	"												
III	Đầu tư tái chính	"												

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Kính thưa: - **Quý vị đại biểu khách quý;**
 - **Quý vị cổ đông**
 - **Thưa toàn thể đại hội**

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT), tôi xin trân trọng báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SD9

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------|-------------------------|
| Ông Trần Thế Quang | - Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Hải Sơn | - TVHĐQT, Tổng giám đốc |
| Ông Phạm Văn Quân | - TVHĐQT độc lập |
| Ông Nguyễn Gia Hân | - TVHĐQT |
| Ông Phạm Ngọc Tuấn | - TVHĐQT |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/5/2020.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 bao gồm”

2.1. HĐQT đã họp định kỳ hàng quý, họp bất thường và ban hành các Nghị quyết quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ : 04 phiên
- Số phiên họp bất thường: 10 phiên
- Số Nghị quyết, Quyết định ban hành: 65 Nghị quyết, quyết định

2.2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, bao gồm:

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2020;
- Chỉ đạo công tác triển khai công tác thi công trên các công trường;



- Giám sát chỉ đạo việc cân đối thanh khoản, việc trả nợ, cơ cấu nợ, giảm dư nợ vay ngắn hạn;
- Chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ;
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh giảm nhân lực, thu gọn đầu mối quản lý, nâng cao chất lượng nhân lực.
- Chỉ đạo giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của công ty, thỏa ước lao động tập thể.
- Chỉ đạo giám sát các nội dung khác liên quan tới trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty

3. Đánh giá một số kết quả thực hiện SXKD năm 2020, kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020:

3.1. Kết quả SXKD, lợi nhuận năm 2020:

- Tổng giá trị SXKD : 419 /KH 710 tỷ đạt 59% KH năm
- Tổng doanh thu : 357 /KH 663 tỷ đạt 54% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 3,15 /KH 32,9 tỷ đạt 10% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 1,43/30,6 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách : 26,3 /KH 45,8 tỷ đạt 58% KH năm
- Thu nhập bình quân : 10,1/ 11,9 trđ/ng/tháng đạt 85% KH.

3.2. Kết quả thực hiện các dự án trọng điểm:

- Dự án thủy điện Pa Ke: Thực hiện đầu tư dự án thủy điện Pake theo đúng quy định; Hoàn thành chạy không tải và phát điện thương mại nhà máy ngày 25/11/2020.

- Gói thầu F2 - Cải tạo kênh: Sản lượng thực hiện năm đạt 134 tỷ/198 tỷ đạt 68%KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Mặt bằng thi công hạn chế do xung đột, chồng lấn với các công trình hiện hữu chưa được xử lý dứt điểm, chưa hoàn thành công tác di dời tiện ích.

- Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ: Sản lượng thực hiện năm đạt 170%KH năm (109 tỷ/64 tỷ)

- Hồ chứa nước Cánh Tạng: Sản lượng thực hiện năm đạt 29% KH năm (11 tỷ/37 tỷ). Nguyên nhân không hoàn hành KH: Công tác bàn giao MB thi công đầu tràn chậm 8 tháng so với kế hoạch, chưa hoàn thành công tác bàn giao MB thi công do hiệu chỉnh thiết kế.

- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3): Sản lượng thực hiện đạt 2,4tỷ/31,7tỷ, đạt 8% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch. CĐT chưa bàn giao đầy đủ mặt bằng để thi công. Dừng thi công do dẫn cách xã hội của dịch Covid.

- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 4): Sản lượng thực hiện năm đạt 5,9 tỷ/57tỷ, đạt 10% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác Tuyển công từ 46.0/4/0/2 đến 46.0/4/0 gặp phải sự phản đối của người dân có nhà nằm trên tuyến. Công tác phê duyệt thiết kế còn chậm so với dự kiến.

- Công trình Hòa Liên: Sản lượng thực hiện năm đạt 4,7 tỷ. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch. Ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai dẫn đến việc triển khai thi công gặp nhiều khó khăn.

3.3. Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc doanh nghiệp

- Rà soát tái cấu trúc tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Công ty chưa thực hiện được do các khoản đầu tư có giá trị giao dịch trên thị trường đều dưới mệnh giá, không có giao dịch hoặc lượng giao dịch quá ít (SD1, SDH, ASD). Đối với Công ty CP đầu tư và phát triển Vân Phong Công ty chưa tìm được nhà đầu tư để chuyển nhượng.

- Tiếp tục áp dụng mô hình khoán đội và quản lý theo mô hình Ban điều hành nội bộ đảm bảo hiệu quả và kiểm soát rủi ro và chi phí.

3.4. Về lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

- Dự toán lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 là: 1.164.000.000, 0 đồng, bao gồm:

- Hội đồng quản trị : 780.000.000,0 đồng
- Ban Kiểm soát : 348.000.000,0 đồng
- Thù lao Thư ký : 36.000.000,0 đồng

- Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020, và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; mức lương, thù lao HĐQT, BKS được chi trả bằng 70% dự toán đã được duyệt là: 814.800.000,0 đồng như sau:

- Hội đồng quản trị : 546.000.000,0 đồng
- Ban Kiểm soát : 243.600.000,0 đồng
- Thù lao thư ký : 25.000.000,0 đồng

3.5. Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2020 là 1.242.277.273 đồng.

3.6. Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty (Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo)

3.7. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp thị tìm kiếm việc làm cho đơn vị.

- Năm 2020, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

3.8. Hội đồng quản trị đã thông qua, sửa đổi bổ sung và ban hành hệ thống quy chế tạo hành lang pháp lý theo hướng tạo sự chủ động cao trong quản lý, điều hành từng lĩnh vực SXKD của Công ty, tăng cường trách nhiệm cá nhân, tính kỷ luật trong tổ chức thực hiện công việc được giao

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét



đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc và đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị tương đối kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Doanh nghiệp đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.

- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định theo quy định đầy đủ và kịp thời đến Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2021:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 780.200 tỷ đồng;
- Doanh thu : 899.966 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 5 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 44.429 tỷ đồng;

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định, họp bất thường (trong trường hợp cần thiết) và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị để triển khai các nội dung trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.

- Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư .

- Giám sát công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 triển khai đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. Thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy quản lý của Công ty, của đơn vị; triển khai các giải pháp xây dựng bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý điều hành của Công ty theo hướng: Chuyên nghiệp, gọn nhẹ, hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Công ty đối với người lao động nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường sự gắn kết của người lao động đối với đơn vị.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị và các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách về giá thành, của các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty đảm bảo tính khoa học, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty .

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các phần mềm và các công cụ hỗ trợ quản lý đảm bảo nâng cao thực sự chất lượng thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Công ty.

- Củng cố và đầu tư các nguồn lực cho công tác thị trường, đấu thầu phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Tăng cường các mối quan hệ với các khách hàng có nhiều tiềm năng để cùng đầu tư, phát triển.

- Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật

- Chỉ đạo tập trung hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của đơn vị đảm bảo đúng quy định của Pháp luật

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH TRONG NĂM 2020

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 tôi xin được đánh giá tổng kết về những mặt đã làm được trong năm qua:

Bước sang năm 2020, ngay từ đầu năm, Công ty đã gặp phải khó khăn do dịch bệnh covid 19, tại dự án thủy điện Pa Ke các chuyên gia Trung Quốc không thể sang để hiệu chỉnh thử nghiệm kết nối hệ thống để chạy thử 02 tổ máy, Công ty đã phải làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc và Việt Nam đến gần giữa năm các chuyên gia mới có đủ các thủ tục cần thiết để sang Việt Nam, do đó tiến độ dự án thủy điện Pa Ke bị ảnh hưởng lớn. Ngoài ra các dự án khác cũng bị chậm tiến độ do vướng mắc từ Chủ đầu tư, vướng mắc về cơ chế, về nguồn vốn; thị trường chủ yếu của Công ty bị thu hẹp, các lĩnh vực mới Công ty tham gia thi công cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm kiếm mở rộng thị trường là vô cùng khó khăn; công nợ tại các dự án còn khá nhiều.

Đứng trước khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo cùng Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực hết sức, đã hoàn thành phát điện thương mại 02 tổ máy dự án Thủy điện Pa Ke tháng 11/2020; Chủ động làm việc với Chủ đầu tư để tháo gỡ các vướng mắc khó khăn, tổ chức triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; tập trung thu hồi công nợ dở đang; làm việc với các Ngân hàng để cơ cấu nguồn vốn đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; Gắn kết với các chủ đầu tư hiện tại đồng thời tiếp cận các chủ đầu tư mới có tiềm lực tài chính để mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án mới đảm bảo việc làm cho CBCNV, đảm bảo lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức của các cổ đông.

Tổng kết năm 2020, tập thể Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2020 đã nỗ lực, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tiếp tục duy trì và phát triển Công ty cổ phần Sông Đà 9 vững bước vượt qua khó khăn trước mắt và từng bước phát triển bền vững

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 9 xem xét thông qua

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang

Trần Thế Quang

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2021

Kính thưa: Toàn thể quý Cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2020 như sau:

I. Phạm vi kiểm soát:

1. Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu trong quản lý, điều hành hoạt động (SXKD) và đầu tư của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những sai phạm, thiết sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo Công ty.
3. Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, đánh giá tính hợp lý và minh bạch của các số liệu tài chính hàng quý, năm.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020, Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng ban Kiểm soát không chi phối các thành viên Ban Kiểm soát mà là người điều phối công việc chung của Ban.
- Đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

- Tham gia đủ 04 cuộc họp của HĐQT. Ban Kiểm soát đã trao đổi và tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty;
- Tổ chức 04 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Thông qua báo cáo của BKS năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; báo cáo thẩm định tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính các quý và chương trình công tác của Ban. Toàn bộ ba thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp này.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của công ty; đưa ra những khuyến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định quản trị nội bộ của Công ty và pháp luật;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Hàng quý, 6 tháng và năm: kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ của Công ty; thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; báo cáo tài chính của Công ty; giám sát tình hình tài chính Công ty, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác;
- Ban Kiểm soát được chi trả tiền lương, thù lao và các lợi ích khác như sau:

STT	Vũ Thị Minh Nguyệt – Trưởng Ban	Lương Thế Lãng – Thành viên	Nguyễn Thị Thu Phương – Thành viên
1. Tiền lương	193.200.000	161.735.000	
2. Thu nhập khác	2.000.000	2.000.000	
3. Thù lao			25.200.000
Cộng	195.200.000	188.935.000	25.200.000

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

III. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

1.1 Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu – theo Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và chương trình công tác năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Các chỉ tiêu doanh thu (không bao gồm doanh thu công trình TĐ Pake), lợi nhuận theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Giá trị SXKD (bao gồm giá trị tự thực hiện tại DA Pake)	Tỷ đồng	710	418,9	59
2	Doanh thu	Tỷ đồng	663,118	347,487	52,4
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,9	3,154	9,59
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,604	1,435	4,69
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	46,7	18,4	39,4
6	Tỷ lệ cổ tức	%	8	DK: 0%	

- Năm 2020, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đều không hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua; đặc biệt, lợi nhuận của Công ty chỉ đạt hơn 3 tỷ đồng (bằng 9,59% KH năm); do đó, không đảm bảo kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông;
- Dự án thủy điện Pake hoàn thành chạy không tải và phát điện thương mại ngày 25/11/2020, chậm so với tiến độ kế hoạch. Kế hoạch đầu tư dự án trong năm 2020: 25,5 tỷ đồng, chi phí đầu tư dự án được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2020 là 178,155 tỷ (trong đó chi phí lãi vay 35,4 tỷ đồng).
- Công ty chưa hoàn thành kế hoạch thoái vốn đầu tư 31,413 tỷ đồng.

1.2 Về báo cáo tài chính năm 2020:

- Báo cáo tài chính năm 2020 do Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm; được CN Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2020:
 - + Tổng tài sản : 2.171.223.765.874, đồng
 - ✓ Tài sản ngắn hạn: 1.082.631.763.614, đồng

✓ Tài sản dài hạn :	1.088.592.002.260, đồng
+ Nguồn vốn:	2.171.223.765.874, đồng
✓ Nợ phải trả:	1.585.888.292.395, đồng
✓ Nguồn vốn chủ sở hữu :	585.335.473.479, đồng
+ Doanh thu:	347.487.328.379, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	3.154.473.723, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế :	1.435.603.485, đồng
+ Lưu chuyển tiền thuần (tỷ đồng):	

Theo hoạt động	Năm 2019	Năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	- 109,2	+ 13,4
Trong đó: Từ hoạt động kinh doanh (bao gồm cả tiền ứng trước của KH)	- 44,7	+ 171,9
Từ hoạt động đầu tư	- 190,5	- 210,5
Từ hoạt động tài chính	+ 126	+ 52

Công ty tiếp tục áp dụng tỷ lệ lãi định mức chung là 10% trong việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ như một số năm vừa qua.

- So sánh một số chỉ số năm 2020 với năm 2019:

T	Các chỉ số	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-) (%)
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ)	Lần	1,41	1,37	- 0,04
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	0,95	- 0,06
3	Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	Lần	2,45	2,71	+ 0,26
4	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	1,4	0,9	- 0,5
5	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ (ROE)	%	1,18	0,2	- 0,98
6	LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	0,34	0,1	-0,24

✓ Lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 đều giảm mạnh so với năm 2019; trong đó, lợi nhuận trước thuế bằng 45,48% và lợi nhuận sau thuế đạt 20,24%.

- ✓ Tổng giá trị tài sản tăng 5,25% so với đầu năm trong khi nợ phải trả tăng 8,31%, vốn chủ sở hữu giảm 2,23% làm cho hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tăng 0,26 lần; nhưng vẫn nằm trong mức an toàn.
- ✓ Nợ phải thu giảm 54,16 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019; nợ phải thu khách hàng giảm 41,03 tỷ đồng. Giá trị nợ phải thu lớn, Công ty đang bị chiếm dụng vốn lớn và gặp nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ.
- ✓ Công nợ phải thu lớn tại một số công trình/khách hàng: các công trình thủy điện Xê Ka Man 1, Xê Ka Man 3, Nậm Theun 1, Tân Thượng, Đồng Nai 5,... Số dư công nợ không có sự thay đổi so với đầu năm: CTCP Điện Việt Lào, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty vẫn đang trong xu hướng giảm, chỉ số khả năng thanh toán hiện hành đang ở mức dưới 1.
- ✓ Các chỉ số đánh giá hiệu quả năm 2020 đều giảm so với năm 2019.

1.3 Tình hình công nợ phải thu và hàng tồn kho

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-)
1	Nợ phải thu khách hàng	630,905	575,538	-8,77%
2	Nợ phải thu ngắn hạn khác	63,625	59,308	-6,78%
3	Hàng tồn kho	293,859	324,809	+ 10,5%

- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2020 là 575,538 tỷ đồng, giảm 8,77% so với đầu năm;
- Phải thu ngắn hạn khác đến 31/12/2020 là: 59,308 tỷ đồng, giảm 6,78 % so với đầu năm; trong đó: phải thu khác 29,678 tỷ đồng, nợ tạm ứng 29,63 tỷ đồng. Công nợ tạm ứng đã giảm 6,2 tỷ đồng so với đầu năm tuy nhiên còn tồn đọng nhiều khoản nợ cá nhân lâu ngày, trong đó có công nợ của cá nhân đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác;
- Hàng tồn kho đến 31/12/2020 là: 324,809 tỷ đồng, tăng 10,5% so với đầu năm; trong đó giá trị nguyên vật liệu là 30,541 tỷ đồng (tăng 6,5 tỷ đồng so với đầu năm), chi phí SXKD dở dang là 293,449 tỷ đồng (tăng 24,2 tỷ đồng so với đầu năm);
- Công nợ phải thu và hàng tồn kho rất lớn: 1.082,3 tỷ, chiếm đến 49,8% tổng giá trị tài sản, cho thấy công tác nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành chưa tốt, gây ứ đọng vốn lớn ngay từ giai đoạn thi công và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu kiện hay yêu cầu nào liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, HĐQT và Ban TGDĐ đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh: tìm kiếm việc làm, làm việc với các tổ chức tín dụng gia hạn; giãn nợ; điều chỉnh giảm lãi suất theo chính sách của Chính phủ; do vậy, áp lực về dòng tiền trả nợ của Công ty giảm, tuy nhiên khó khăn vẫn còn nhiều. Kết quả SXKD đạt rất thấp, gần như chưa có hiệu quả; hoạt động xây lắp liên tục bị thua lỗ. Toàn bộ các chỉ tiêu kinh tế tài chính không hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành cụ thể như sau:

- HĐQT tổ chức đủ 04 cuộc họp định kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách linh hoạt. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết và văn bản, chỉ thị quản lý mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn và tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo, giám sát việc điều hành SXKD của Công ty phù hợp với tình hình thực tế;
- Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc triển khai hoạt động SXKD và tìm kiếm việc làm tuy nhiên hầu hết các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và tham gia thi công đều không hoàn thành kế hoạch và chậm tiến độ. Theo đánh giá, ngoài ảnh hưởng việc dừng thi công do dẫn cách xã hội bởi dịch Covid 19, công tác chuẩn bị chưa đạt yêu cầu: chưa đáp ứng đủ nguồn lực (nhân lực, xe máy thiết bị, vật tư, tiền vốn), năng lực tổ chức, điều hành thi công và tinh thần thực hiện chưa cao,...;
- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Kế hoạch tài chính, kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư được lập đầy đủ nhưng chưa sát với tình hình thực tế;
- Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho các cổ đông: Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị thực hiện việc giải trình tới Đại hội đồng cổ đông;
- Hiện tại, Công ty kiểm soát được nợ quá hạn, nhưng cần quản lý và sử dụng vốn lưu động hợp lý và hiệu quả hơn để cải thiện khả năng thanh toán cũng như đảm bảo dòng tiền cho SXKD;
- Tình hình thực hiện công tác đầu tư chưa tốt, đặc biệt là việc giải quyết các thủ tục pháp lý tại dự án thủy điện Pake chậm; dẫn đến không hoàn thành tiến độ

phát điện, ảnh hưởng lớn đến cân đối dòng tiền và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty. Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị thực hiện giải trình đến Đại hội đồng cổ đông;

- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;
- Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Tổng giám đốc: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên thường xuyên trao đổi trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc; Kiểm soát viên được mời tham dự và tham gia ý kiến trong các cuộc họp định kỳ và một số cuộc họp đột xuất của HĐQT. Hàng quý, Kiểm soát viên được cung cấp báo cáo tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính; tuy nhiên việc cung cấp báo cáo, thông tin, tài liệu của các đơn vị, phòng ban trong Công ty chưa đầy đủ và không kịp thời làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Kiểm soát viên.

IV. Kết luận và kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả SXKD, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Cần chú trọng nâng cao năng lực tổ chức quản lý thi công và năng lực quản trị; quản lý điều hành Công ty, tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán; quyết toán sử dụng vật tư, nguyên liệu chính, phân tích đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động SXKD và thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm chi phí để trước mắt đảm bảo hoạt động xây lắp không tiếp tục bị thua lỗ;
- Từ những khó khăn, áp lực đang phải đối diện, rất cần phải tái cấu trúc toàn bộ Công ty, trong đó điều chỉnh cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý; điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, trách nhiệm, chủ động và hiệu lực để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến công tác đánh giá chất lượng cán bộ từ nhân viên đến quản lý; gắn với chế độ lương, thưởng. Thiết lập lại các chính sách quản trị: hành chính nhân sự, kỹ thuật sản xuất thi công, cung ứng nguyên liệu vật tư phụ tùng, kế toán tài chính, doanh thu chi phí giá thành và các chính sách quản trị khác để cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Có biện pháp tích cực thu hồi dứt điểm công nợ phải thu khách hàng theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết, phân tích rõ công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi triệt để công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động SXKD;
- Bằng mọi biện pháp giảm nợ vay ngân hàng, nợ quá hạn và giảm chi phí tài chính, cơ cấu các khoản nợ đảm bảo khả năng thanh toán khoản vay khi đến hạn.
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát đánh giá lại năng lực các bên liên quan đối với tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với Chủ đầu tư và với các nhà thầu đảm bảo thực hiện

đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các Nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng nói chung và hợp đồng với nhà thầu phụ nói riêng. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng: về tiến độ, thanh toán,... để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Quyết toán và chi trả tiền lương cho CB quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả;
- Xây dựng lộ trình và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho Cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty;
- Công tác kế toán cần được quan tâm hơn nữa để phát huy đầy đủ chức năng phản ánh, kiểm tra, cung cấp thông tin toàn bộ các hoạt động kinh tế của đơn vị; đảm bảo được yêu cầu về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính;
- Kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán và Ban Kiểm soát Công ty;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021: trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, 06 tháng và hàng quý của công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông

quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty khi được mời.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.
- Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát năm 2021 theo số liệu Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Ngân sách hoạt động gồm ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập năm 2021 của Ban Kiểm soát tối đa là 30 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2021;
- HĐQT, Ban TGD Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu BKS, Văn thư.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Minh Nguyệt



CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/CT- BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021



Tờ trình

v/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Để chuẩn bị cho công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán độc lập, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C cũng đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9 các năm từ năm 2017 đến năm 2020.

Vì vậy, để công tác kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng quy định, Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2021;
- Lưu BKS, Văn thư.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Minh Nguyệt

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Kính thưa: - **Quý vị đại biểu khách quý;**
 - **Quý vị cổ đông**
 - **Thưa toàn thể đại hội**

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT), tôi xin trân trọng báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SD9

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------|-------------------------|
| Ông Trần Thế Quang | - Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Hải Sơn | - TVHĐQT, Tổng giám đốc |
| Ông Phạm Văn Quân | - TVHĐQT độc lập |
| Ông Nguyễn Gia Hân | - TVHĐQT |
| Ông Phạm Ngọc Tuấn | - TVHĐQT |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/5/2020.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 bao gồm”

2.1. HĐQT đã họp định kỳ hàng quý, họp bất thường và ban hành các Nghị quyết quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ : 04 phiên
- Số phiên họp bất thường: 10 phiên
- Số Nghị quyết, Quyết định ban hành: 65 Nghị quyết, quyết định

2.2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, bao gồm:

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2020;
- Chỉ đạo công tác triển khai công tác thi công trên các công trường;



- Giám sát chỉ đạo việc cân đối thanh khoản, việc trả nợ, cơ cấu nợ, giảm dư nợ vay ngắn hạn;
- Chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ;
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh giảm nhân lực, thu gọn đầu mối quản lý, nâng cao chất lượng nhân lực.
- Chỉ đạo giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của công ty, thỏa ước lao động tập thể.
- Chỉ đạo giám sát các nội dung khác liên quan tới trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty

3. Đánh giá một số kết quả thực hiện SXKD năm 2020, kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020:

3.1. Kết quả SXKD, lợi nhuận năm 2020:

- Tổng giá trị SXKD : 419 /KH 710 tỷ đạt 59% KH năm
- Tổng doanh thu : 357 /KH 663 tỷ đạt 54% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 3,15 /KH 32,9 tỷ đạt 10% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 1,43/30,6 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách : 26,3 /KH 45,8 tỷ đạt 58% KH năm
- Thu nhập bình quân : 10,1/ 11,9 trđ/ng/tháng đạt 85% KH.

3.2. Kết quả thực hiện các dự án trọng điểm:

- Dự án thủy điện Pa Ke: Thực hiện đầu tư dự án thủy điện Pake theo đúng quy định; Hoàn thành chạy không tải và phát điện thương mại nhà máy ngày 25/11/2020.

- Gói thầu F2 - Cải tạo kênh: Sản lượng thực hiện năm đạt 134 tỷ/198 tỷ đạt 68%KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Mặt bằng thi công hạn chế do xung đột, chồng lấn với các công trình hiện hữu chưa được xử lý dứt điểm, chưa hoàn thành công tác di dời tiện ích.

- Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ: Sản lượng thực hiện năm đạt 170%KH năm (109 tỷ/64 tỷ)

- Hồ chứa nước Cánh Tạng: Sản lượng thực hiện năm đạt 29% KH năm (11 tỷ/37 tỷ). Nguyên nhân không hoàn hành KH: Công tác bàn giao MB thi công đầu tràn chậm 8 tháng so với kế hoạch, chưa hoàn thành công tác bàn giao MB thi công do hiệu chỉnh thiết kế.

- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3): Sản lượng thực hiện đạt 2,4tỷ/31,7tỷ, đạt 8% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch. CĐT chưa bàn giao đầy đủ mặt bằng để thi công. Dừng thi công do dẫn cách xã hội của dịch Covid.

- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 4): Sản lượng thực hiện năm đạt 5,9 tỷ/57tỷ, đạt 10% KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác Tuyển công từ 46.0/4/0/2 đến 46.0/4/0 gặp phải sự phản đối của người dân có nhà nằm trên tuyến. Công tác phê duyệt thiết kế còn chậm so với dự kiến.

- Công trình Hòa Liên: Sản lượng thực hiện năm đạt 4,7 tỷ. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Công tác phê duyệt thiết kế chậm so với kế hoạch. Ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai dẫn đến việc triển khai thi công gặp nhiều khó khăn.

3.3. Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc doanh nghiệp

- Rà soát tái cấu trúc tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Công ty chưa thực hiện được do các khoản đầu tư có giá trị giao dịch trên thị trường đều dưới mệnh giá, không có giao dịch hoặc lượng giao dịch quá ít (SD1, SDH, ASD). Đối với Công ty CP đầu tư và phát triển Vân Phong Công ty chưa tìm được nhà đầu tư để chuyển nhượng.

- Tiếp tục áp dụng mô hình khoán đội và quản lý theo mô hình Ban điều hành nội bộ đảm bảo hiệu quả và kiểm soát rủi ro và chi phí.

3.4. Về lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

- Dự toán lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 là: 1.164.000.000, 0 đồng, bao gồm:

- Hội đồng quản trị : 780.000.000,0 đồng
- Ban Kiểm soát : 348.000.000,0 đồng
- Thù lao Thư ký : 36.000.000,0 đồng

- Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020, và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; mức lương, thù lao HĐQT, BKS được chi trả bằng 70% dự toán đã được duyệt là: 814.800.000,0 đồng như sau:

- Hội đồng quản trị : 546.000.000,0 đồng
- Ban Kiểm soát : 243.600.000,0 đồng
- Thù lao thư ký : 25.000.000,0 đồng

3.5. Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2020 là 1.242.277.273 đồng.

3.6. Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty (Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo)

3.7. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp thị tìm kiếm việc làm cho đơn vị.

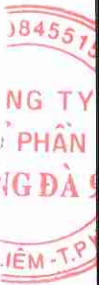
- Năm 2020, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

3.8. Hội đồng quản trị đã thông qua, sửa đổi bổ sung và ban hành hệ thống quy chế tạo hành lang pháp lý theo hướng tạo sự chủ động cao trong quản lý, điều hành từng lĩnh vực SXKD của Công ty, tăng cường trách nhiệm cá nhân, tính kỷ luật trong tổ chức thực hiện công việc được giao

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét



đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc và đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị tương đối kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Doanh nghiệp đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.

- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định theo quy định đầy đủ và kịp thời đến Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2021:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 780.200 tỷ đồng;
- Doanh thu : 899.966 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 5 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 44.429 tỷ đồng;

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định, họp bất thường (trong trường hợp cần thiết) và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị để triển khai các nội dung trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.

- Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư .

- Giám sát công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 triển khai đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. Thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy quản lý của Công ty, của đơn vị; triển khai các giải pháp xây dựng bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý điều hành của Công ty theo hướng: Chuyên nghiệp, gọn nhẹ, hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Công ty đối với người lao động nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường sự gắn kết của người lao động đối với đơn vị.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị và các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách về giá thành, của các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty đảm bảo tính khoa học, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty .

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các phần mềm và các công cụ hỗ trợ quản lý đảm bảo nâng cao thực sự chất lượng thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Công ty.

- Cùng cố và đầu tư các nguồn lực cho công tác thị trường, đấu thầu phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Tăng cường các mối quan hệ với các khách hàng có nhiều tiềm năng để cùng đầu tư, phát triển.

- Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật

- Chỉ đạo tập trung hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của đơn vị đảm bảo đúng quy định của Pháp luật

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH TRONG NĂM 2020

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 tôi xin được đánh giá tổng kết về những mặt đã làm được trong năm qua:

Bước sang năm 2020, ngay từ đầu năm, Công ty đã gặp phải khó khăn do dịch bệnh covid 19, tại dự án thủy điện Pa Ke các chuyên gia Trung Quốc không thể sang để hiệu chỉnh thử nghiệm kết nối hệ thống để chạy thử 02 tổ máy, Công ty đã phải làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc và Việt Nam đến gần giữa năm các chuyên gia mới có đủ các thủ tục cần thiết để sang Việt Nam, do đó tiến độ dự án thủy điện Pa Ke bị ảnh hưởng lớn. Ngoài ra các dự án khác cũng bị chậm tiến độ do vướng mắc từ Chủ đầu tư, vướng mắc về cơ chế, về nguồn vốn; thị trường chủ yếu của Công ty bị thu hẹp, các lĩnh vực mới Công ty tham gia thi công cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm kiếm mở rộng thị trường là vô cùng khó khăn; công nợ tại các dự án còn khá nhiều.

Đứng trước khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo cùng Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực hết sức, đã hoàn thành phát điện thương mại 02 tổ máy dự án Thủy điện Pa Ke tháng 11/2020; Chủ động làm việc với Chủ đầu tư để tháo gỡ các vướng mắc khó khăn, tổ chức triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; tập trung thu hồi công nợ dở đang; làm việc với các Ngân hàng để cơ cấu nguồn vốn đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; Gắn kết với các chủ đầu tư hiện tại đồng thời tiếp cận các chủ đầu tư mới có tiềm lực tài chính để mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án mới đảm bảo việc làm cho CBCNV, đảm bảo lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức của các cổ đông.

Tổng kết năm 2020, tập thể Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2020 đã nỗ lực, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tiếp tục duy trì và phát triển Công ty cổ phần Sông Đà 9 vững bước vượt qua khó khăn trước mắt và từng bước phát triển bền vững

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 9 xem xét thông qua

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang

Trần Thế Quang

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2021

Kính thưa: Toàn thể quý Cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2020 như sau:

I. Phạm vi kiểm soát:

1. Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu trong quản lý, điều hành hoạt động (SXKD) và đầu tư của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những sai phạm, thiết sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo Công ty.
3. Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, đánh giá tính hợp lý và minh bạch của các số liệu tài chính hàng quý, năm.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020, Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng ban Kiểm soát không chi phối các thành viên Ban Kiểm soát mà là người điều phối công việc chung của Ban.
- Đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

- Tham gia đủ 04 cuộc họp của HĐQT. Ban Kiểm soát đã trao đổi và tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty;
- Tổ chức 04 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Thông qua báo cáo của BKS năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; báo cáo thẩm định tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính các quý và chương trình công tác của Ban. Toàn bộ ba thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp này.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của công ty; đưa ra những khuyến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định quản trị nội bộ của Công ty và pháp luật;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Hàng quý, 6 tháng và năm: kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ của Công ty; thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; báo cáo tài chính của Công ty; giám sát tình hình tài chính Công ty, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác;
- Ban Kiểm soát được chi trả tiền lương, thù lao và các lợi ích khác như sau:

STT	Vũ Thị Minh Nguyệt – Trưởng Ban	Lương Thế Lãng – Thành viên	Nguyễn Thị Thu Phương – Thành viên
1. Tiền lương	193.200.000	161.735.000	
2. Thu nhập khác	2.000.000	2.000.000	
3. Thù lao			25.200.000
Cộng	195.200.000	188.935.000	25.200.000

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

III. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

1.1 Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu – theo Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và chương trình công tác năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Các chỉ tiêu doanh thu (không bao gồm doanh thu công trình TĐ Pake), lợi nhuận theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Giá trị SXKD (bao gồm giá trị tự thực hiện tại DA Pake)	Tỷ đồng	710	418,9	59
2	Doanh thu	Tỷ đồng	663,118	347,487	52,4
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,9	3,154	9,59
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,604	1,435	4,69
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	46,7	18,4	39,4
6	Tỷ lệ cổ tức	%	8	DK: 0%	

- Năm 2020, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đều không hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua; đặc biệt, lợi nhuận của Công ty chỉ đạt hơn 3 tỷ đồng (bằng 9,59% KH năm); do đó, không đảm bảo kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông;
- Dự án thủy điện Pake hoàn thành chạy không tải và phát điện thương mại ngày 25/11/2020, chậm so với tiến độ kế hoạch. Kế hoạch đầu tư dự án trong năm 2020: 25,5 tỷ đồng, chi phí đầu tư dự án được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2020 là 178,155 tỷ (trong đó chi phí lãi vay 35,4 tỷ đồng).
- Công ty chưa hoàn thành kế hoạch thoái vốn đầu tư 31,413 tỷ đồng.

1.2 Về báo cáo tài chính năm 2020:

- Báo cáo tài chính năm 2020 do Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm; được CN Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2020:
 - + Tổng tài sản : 2.171.223.765.874, đồng
 - ✓ Tài sản ngắn hạn: 1.082.631.763.614, đồng

✓ Tài sản dài hạn :	1.088.592.002.260, đồng
+ Nguồn vốn:	2.171.223.765.874, đồng
✓ Nợ phải trả:	1.585.888.292.395, đồng
✓ Nguồn vốn chủ sở hữu :	585.335.473.479, đồng
+ Doanh thu:	347.487.328.379, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	3.154.473.723, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế :	1.435.603.485, đồng
+ Lưu chuyển tiền thuần (tỷ đồng):	

Theo hoạt động	Năm 2019	Năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	- 109,2	+ 13,4
Trong đó: Từ hoạt động kinh doanh (bao gồm cả tiền ứng trước của KH)	- 44,7	+ 171,9
Từ hoạt động đầu tư	- 190,5	- 210,5
Từ hoạt động tài chính	+ 126	+ 52

Công ty tiếp tục áp dụng tỷ lệ lãi định mức chung là 10% trong việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ như một số năm vừa qua.

- So sánh một số chỉ số năm 2020 với năm 2019:

T	Các chỉ số	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-) (%)
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ)	Lần	1,41	1,37	- 0,04
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	0,95	- 0,06
3	Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	Lần	2,45	2,71	+ 0,26
4	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	1,4	0,9	- 0,5
5	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ (ROE)	%	1,18	0,2	- 0,98
6	LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	0,34	0,1	-0,24

✓ Lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 đều giảm mạnh so với năm 2019; trong đó, lợi nhuận trước thuế bằng 45,48% và lợi nhuận sau thuế đạt 20,24%.

- ✓ Tổng giá trị tài sản tăng 5,25% so với đầu năm trong khi nợ phải trả tăng 8,31%, vốn chủ sở hữu giảm 2,23% làm cho hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tăng 0,26 lần; nhưng vẫn nằm trong mức an toàn.
- ✓ Nợ phải thu giảm 54,16 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019; nợ phải thu khách hàng giảm 41,03 tỷ đồng. Giá trị nợ phải thu lớn, Công ty đang bị chiếm dụng vốn lớn và gặp nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ.
- ✓ Công nợ phải thu lớn tại một số công trình/khách hàng: các công trình thủy điện Xê Ka Man 1, Xê Ka Man 3, Nậm Theun 1, Tân Thượng, Đồng Nai 5,... Số dư công nợ không có sự thay đổi so với đầu năm: CTCP Điện Việt Lào, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty vẫn đang trong xu hướng giảm, chỉ số khả năng thanh toán hiện hành đang ở mức dưới 1.
- ✓ Các chỉ số đánh giá hiệu quả năm 2020 đều giảm so với năm 2019.

1.3 Tình hình công nợ phải thu và hàng tồn kho

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-)
1	Nợ phải thu khách hàng	630,905	575,538	-8,77%
2	Nợ phải thu ngắn hạn khác	63,625	59,308	-6,78%
3	Hàng tồn kho	293,859	324,809	+ 10,5%

- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2020 là 575,538 tỷ đồng, giảm 8,77% so với đầu năm;
- Phải thu ngắn hạn khác đến 31/12/2020 là: 59,308 tỷ đồng, giảm 6,78 % so với đầu năm; trong đó: phải thu khác 29,678 tỷ đồng, nợ tạm ứng 29,63 tỷ đồng. Công nợ tạm ứng đã giảm 6,2 tỷ đồng so với đầu năm tuy nhiên còn tồn đọng nhiều khoản nợ cá nhân lâu ngày, trong đó có công nợ của cá nhân đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác;
- Hàng tồn kho đến 31/12/2020 là: 324,809 tỷ đồng, tăng 10,5% so với đầu năm; trong đó giá trị nguyên vật liệu là 30,541 tỷ đồng (tăng 6,5 tỷ đồng so với đầu năm), chi phí SXKD dở dang là 293,449 tỷ đồng (tăng 24,2 tỷ đồng so với đầu năm);
- Công nợ phải thu và hàng tồn kho rất lớn: 1.082,3 tỷ, chiếm đến 49,8% tổng giá trị tài sản, cho thấy công tác nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành chưa tốt, gây ứ đọng vốn lớn ngay từ giai đoạn thi công và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu kiện hay yêu cầu nào liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, HĐQT và Ban TGDĐ đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh: tìm kiếm việc làm, làm việc với các tổ chức tín dụng gia hạn; giãn nợ; điều chỉnh giảm lãi suất theo chính sách của Chính phủ; do vậy, áp lực về dòng tiền trả nợ của Công ty giảm, tuy nhiên khó khăn vẫn còn nhiều. Kết quả SXKD đạt rất thấp, gần như chưa có hiệu quả; hoạt động xây lắp liên tục bị thua lỗ. Toàn bộ các chỉ tiêu kinh tế tài chính không hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành cụ thể như sau:

- HĐQT tổ chức đủ 04 cuộc họp định kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách linh hoạt. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết và văn bản, chỉ thị quản lý mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn và tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo, giám sát việc điều hành SXKD của Công ty phù hợp với tình hình thực tế;
- Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc triển khai hoạt động SXKD và tìm kiếm việc làm tuy nhiên hầu hết các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và tham gia thi công đều không hoàn thành kế hoạch và chậm tiến độ. Theo đánh giá, ngoài ảnh hưởng việc dừng thi công do dẫn cách xã hội bởi dịch Covid 19, công tác chuẩn bị chưa đạt yêu cầu: chưa đáp ứng đủ nguồn lực (nhân lực, xe máy thiết bị, vật tư, tiền vốn), năng lực tổ chức, điều hành thi công và tinh thần thực hiện chưa cao,...;
- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Kế hoạch tài chính, kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư được lập đầy đủ nhưng chưa sát với tình hình thực tế;
- Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho các cổ đông: Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị thực hiện việc giải trình tới Đại hội đồng cổ đông;
- Hiện tại, Công ty kiểm soát được nợ quá hạn, nhưng cần quản lý và sử dụng vốn lưu động hợp lý và hiệu quả hơn để cải thiện khả năng thanh toán cũng như đảm bảo dòng tiền cho SXKD;
- Tình hình thực hiện công tác đầu tư chưa tốt, đặc biệt là việc giải quyết các thủ tục pháp lý tại dự án thủy điện Pake chậm; dẫn đến không hoàn thành tiến độ

phát điện, ảnh hưởng lớn đến cân đối dòng tiền và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty. Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị thực hiện giải trình đến Đại hội đồng cổ đông;

- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;
- Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Tổng giám đốc: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên thường xuyên trao đổi trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc; Kiểm soát viên được mời tham dự và tham gia ý kiến trong các cuộc họp định kỳ và một số cuộc họp đột xuất của HĐQT. Hàng quý, Kiểm soát viên được cung cấp báo cáo tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính; tuy nhiên việc cung cấp báo cáo, thông tin, tài liệu của các đơn vị, phòng ban trong Công ty chưa đầy đủ và không kịp thời làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Kiểm soát viên.

IV. Kết luận và kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả SXKD, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Cần chú trọng nâng cao năng lực tổ chức quản lý thi công và năng lực quản trị; quản lý điều hành Công ty, tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán; quyết toán sử dụng vật tư, nguyên liệu chính, phân tích đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động SXKD và thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm chi phí để trước mắt đảm bảo hoạt động xây lắp không tiếp tục bị thua lỗ;
- Từ những khó khăn, áp lực đang phải đối diện, rất cần phải tái cấu trúc toàn bộ Công ty, trong đó điều chỉnh cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý; điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, trách nhiệm, chủ động và hiệu lực để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến công tác đánh giá chất lượng cán bộ từ nhân viên đến quản lý; gắn với chế độ lương, thưởng. Thiết lập lại các chính sách quản trị: hành chính nhân sự, kỹ thuật sản xuất thi công, cung ứng nguyên liệu vật tư phụ tùng, kế toán tài chính, doanh thu chi phí giá thành và các chính sách quản trị khác để cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Có biện pháp tích cực thu hồi dứt điểm công nợ phải thu khách hàng theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết, phân tích rõ công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi triệt để công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động SXKD;
- Bằng mọi biện pháp giảm nợ vay ngân hàng, nợ quá hạn và giảm chi phí tài chính, cơ cấu các khoản nợ đảm bảo khả năng thanh toán khoản vay khi đến hạn.
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát đánh giá lại năng lực các bên liên quan đối với tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với Chủ đầu tư và với các nhà thầu đảm bảo thực hiện

đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các Nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng nói chung và hợp đồng với nhà thầu phụ nói riêng. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng: về tiến độ, thanh toán,... để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Quyết toán và chi trả tiền lương cho CB quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả;
- Xây dựng lộ trình và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 cho Cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty;
- Công tác kế toán cần được quan tâm hơn nữa để phát huy đầy đủ chức năng phản ánh, kiểm tra, cung cấp thông tin toàn bộ các hoạt động kinh tế của đơn vị; đảm bảo được yêu cầu về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính;
- Kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán và Ban Kiểm soát Công ty;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021: trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, 06 tháng và hàng quý của công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông

quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty khi được mời.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.
- Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát năm 2021 theo số liệu Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Ngân sách hoạt động gồm ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập năm 2021 của Ban Kiểm soát tối đa là 30 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2021;
- HĐQT, Ban TGD Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu BKS, Văn thư.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Minh Nguyệt



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 10 là ngày 08 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, buru điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Gia Hân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Hải Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Phạm Văn Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Vũ Đình Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trần Thế Quang - Tổng Giám đốc đến ngày 29 tháng 5 năm 2020. Từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 đến thời điểm lập báo cáo này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hải Sơn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Số: 2.0211/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.082.631.763.614	1.089.554.355.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.464.854.167	17.062.668.006
1. Tiền	111		30.464.854.167	17.062.668.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		705.095.565.843	744.923.140.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	523.125.887.586	564.159.673.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	147.774.926.697	143.089.403.306
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	59.308.322.149	63.625.178.722
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(27.302.712.317)	(28.140.256.867)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		324.809.148.232	293.859.541.559
1. Hàng tồn kho	141	V.8	324.809.148.232	293.859.541.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.262.195.372	33.709.005.028
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	279.741.521	1.241.189.113
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.091.810.689	31.622.874.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	890.643.162	844.941.161
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.088.592.002.260	973.348.033.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.412.484.908	66.744.893.861
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	52.412.484.908	66.744.893.861
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		942.270.000.746	224.835.874.442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	937.657.500.746	220.223.374.442
<i>Nguyên giá</i>	222		1.693.493.697.289	933.950.349.847
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(755.836.196.543)	(713.726.975.405)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.692.500.000	4.692.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(80.000.000)	(80.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		333.553.802	582.034.236.945
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	333.553.802	582.034.236.945
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	89.371.684.818	92.828.674.936
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.389.072.034)	(23.932.081.916)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.204.277.986	6.904.353.612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.751.019.684	5.190.079.636
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.453.258.302	1.714.273.976
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.171.223.765.874	2.062.902.389.211

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.585.888.292.395	1.464.191.393.105
I. Nợ ngắn hạn	310		1.141.321.359.390	1.078.988.894.107
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	158.395.864.011	224.015.488.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	254.162.372.263	239.438.190.465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8.323.466.153	2.463.453.779
4. Phải trả người lao động	314		27.745.905.419	36.206.696.280
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	135.275.671.961	35.066.690.308
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		241.225.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	99.064.778.967	83.555.946.936
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	452.005.038.848	452.922.267.667
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6.107.036.768	5.320.160.656
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		444.566.933.005	385.202.498.998
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	6.782.748.810	602.691.813
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	437.784.184.195	384.599.807.185
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		585.335.473.479	598.710.996.106
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	585.335.473.479	598.710.996.106
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.629.085.895	15.004.608.522
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		193.482.410	15.004.608.522
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.435.603.485	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.171.223.765.874	2.062.902.389.211

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	321.714.737.780	464.722.908.662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		321.714.737.780	464.722.908.662
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	267.076.116.289	400.279.823.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.638.621.491	64.443.085.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.167.690.478	23.180.487.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.440.670.774	41.433.551.674
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.889.810.779	42.212.149.816
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	26.264.421.441	43.365.384.755
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.101.219.754	2.824.636.473
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.604.900.121	6.737.447.828
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.551.646.152	2.626.802.366
13. Lợi nhuận khác	40		53.253.969	4.110.645.462
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.154.473.723	6.935.281.935
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.457.854.564	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	261.015.674	(157.892.144)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.435.603.485</u>	<u>7.093.174.079</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.154.473.723	6.935.281.935
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11	42.109.221.138	43.058.649.349
- Các khoản dự phòng	03		2.619.445.568	(7.060.619.047)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		44.964.854	113.261.503
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,6	(23.044.557.697)	(23.993.822.798)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	44.889.810.779	42.212.149.816
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.773.358.365	61.264.900.758
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		91.572.179.943	(73.669.772.148)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.949.606.673)	(78.093.273.049)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		84.154.733.289	92.499.508.660
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.400.507.544	(639.114.097)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.291.582.287)	(42.005.958.799)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.457.854.564)	(2.853.677.216)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(277.100.000)	(1.279.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		171.924.635.617	(44.776.885.891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(232.138.122.550)	(212.975.669.235)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	967.449.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.580.623.497	21.420.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(210.557.499.053)	(190.588.220.144)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	421.172.218.095	776.104.234.871
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(369.137.449.978)	(650.024.256.968)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.034.768.117	126.079.977.903
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.401.904.681	(109.285.128.132)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.062.668.006	126.328.819.348
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		281.480	18.976.790
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.464.854.167	17.062.668.006

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình; Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Nhà máy Thủy điện Pake đã hoàn thành đi vào hoạt động kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Phiêng My, xã Bản Liền, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Sông Đà 908	Bản Noong Kiêng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake	Thôn Lù Di Sán, xã Sán Chải, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 337 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 717 nhân viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng và các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa văn phòng và các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), Hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối năm} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối năm} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó, tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (năm trước là 10%). Giá trị sản lượng dở dang cuối năm được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối năm theo kết quả kiểm kê.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất dùng, nhà điều hành lán trại, chi phí sửa chữa, chi phí cấp pha. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nhà điều hành, lán trại

Chi phí nhà điều hành, lán trại phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

Chi phí cấp pha

Chi phí cấp pha phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25
Máy móc và thiết bị	6 -10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	4 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	155.929.952	341.258.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.308.924.215	16.721.409.211
Cộng	30.464.854.167	17.062.668.006

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào Công ty con

Công ty đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu với giá gốc của khoản đầu tư là 85.347.816.852 VND (không thay đổi so với đầu năm) và giá trị hợp lý là 406.980.000.000 VND (đầu năm là 235.620.000.000 VND). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 10.710.000 cổ phiếu, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, không thay đổi so với số đầu năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà ⁽ⁱ⁾	18.628.000.000	(17.510.320.000)	1.117.680.000	18.628.000.000	(16.765.200.000)	1.862.800.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1 ⁽ⁱ⁾	5.784.940.000	(5.613.440.000)	171.500.000	5.784.940.000	(5.466.440.000)	318.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	(2.626.800.000)	1.373.200.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	(1.638.512.034)		3.000.000.000	(1.700.441.916)	
Cộng	31.412.940.000	(27.389.072.034)		31.412.940.000	(23.932.081.916)	

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư này không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	1.862.800	8,89%
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	245.000	4,90%
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	400.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	300.000	3,00%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.932.081.916	25.202.628.258
Trích lập dự phòng bổ sung	3.518.920.000	649.453.658
Hoàn nhập dự phòng	(61.929.882)	(1.920.000.000)
Số cuối năm	27.389.072.034	23.932.081.916

Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức được chia	21.420.000.000	21.420.000.000

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	352.195.756.773	389.264.885.895
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	309.223.872.728	321.329.028.033
Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	60.217.619.873	66.210.303.985
Ban điều hành dự án thủy điện Hòa Na	23.157.152.959	23.157.152.959
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5	18.579.545.139	5.362.127.969
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	63.611.755.755	77.505.577.600
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 3	75.202.598.325	75.202.598.325
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	36.908.528.381	39.483.927.930
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	10.260.624.642	9.773.087.959
Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu	21.286.047.654	24.634.251.306
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	156.415.889	156.415.889
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	503.182.908	503.182.908
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.320.925.425	126.598.947
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	7.207.908.237	32.924.301.773
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	8.557.600.044	8.557.600.044
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	414.633.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	18.751.692.294	18.751.692.294
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	5.683.040.293	5.710.314.052
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô Thị & Khu công nghiệp Sông Đà	791.118.955	791.118.955
Phải thu các khách hàng khác	170.930.130.813	174.894.788.038
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	51.327.407.966	51.327.407.966
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita - Quảng Nam	3.038.980.379	6.384.474.494
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị TP HCM	54.001.876.176	27.197.827.374
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	16.944.356.783	3.955.243.248
Các khách hàng khác	45.617.509.509	86.029.834.956
Cộng	523.125.887.586	564.159.673.933

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>781.665.745</i>	<i>781.665.745</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	781.665.745	781.665.745
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>146.993.260.952</i>	<i>142.307.737.561</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	33.355.782.068	47.862.357.298
Công ty Cổ phần đất Phù Sa	17.479.297.416	22.149.373.641
Công ty Cổ phần Thọ Xuân	19.540.264.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	10.945.238.386	10.945.238.386
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	-	12.105.163.501
Các nhà cung cấp khác	65.672.679.082	49.245.604.735
Cộng	147.774.926.697	143.089.403.306

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào vay với thời hạn 12 tháng; lãi suất vay được tính theo thông báo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, căn cứ trên lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 9 vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản vay được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2020.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.959.491.256</i>	<i>(862.455.450)</i>	<i>13.495.557.056</i>	-
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền dịch vụ	45.228.750	-	45.228.750	-
Công ty Cổ phần điện Việt Lào - Tiền lãi (*)	14.914.262.506	(862.455.450)	13.450.328.306	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>44.348.830.893</i>	<i>(5.416.444.193)</i>	<i>50.129.621.666</i>	<i>(5.416.444.193)</i>
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.220.697.707	-	2.497.475.103	-
Tạm ứng	29.630.789.336	-	35.828.847.253	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	515.075.480	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.606.598.767	(2.040.774.590)	8.427.629.707	(2.040.774.590)
Cộng	59.308.322.149	(6.278.899.643)	63.625.178.722	(5.416.444.193)

(*) Công ty đang trích dự phòng phần lãi vay đã quá hạn của khoản vay ở thuyết minh V.5, số còn lại là lãi vay chậm thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các khoản phải thu khách hàng</i>	<i>17.562.925.894</i>	<i>(17.562.925.894)</i>	<i>19.262.925.894</i>	<i>(19.262.925.894)</i>
Công ty Cổ phần phát triển kỹ thuật xây dựng	9.265.683.858	(9.265.683.858)	9.265.683.858	(9.265.683.858)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	1.463.289.775	(1.463.289.775)	1.463.289.775	(1.463.289.775)
Các khoản phải thu khác hàng khác	6.833.952.261	(6.833.952.261)	8.533.952.261	(8.533.952.261)
<i>Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp</i>	<i>3.491.336.780</i>	<i>(3.460.886.780)</i>	<i>3.491.336.780</i>	<i>(3.460.886.780)</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại dịch vụ 457	1.940.879.260	(1.940.879.260)	1.940.879.260	(1.940.879.260)
Các khoản ứng trước khác	1.550.457.520	(1.520.007.520)	1.550.457.520	(1.520.007.520)
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>6.376.061.550</i>	<i>(6.278.899.643)</i>	<i>5.416.444.193</i>	<i>(5.416.444.193)</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Các khoản phải thu khác	3.000.391.947	(2.903.230.040)	2.040.774.590	(2.040.774.590)
Cộng	27.430.324.224	(27.302.712.317)	28.170.706.867	(28.140.256.867)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.140.256.867	28.059.684.517
Trích lập dự phòng bổ sung	862.455.450	1.012.700.881
Hoàn nhập dự phòng	(1.700.000.000)	(932.128.531)
Số cuối năm	27.302.712.317	28.140.256.867

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.541.668.432		24.022.353.737	
Công cụ, dụng cụ	818.439.072		630.623.299	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	293.449.040.728		269.206.564.523	
<i>Công trình thủy điện XéKaMan 1</i>	<i>90.001.251.983</i>		<i>92.937.326.932</i>	
<i>Công trình thủy điện Namthuen 1</i>	<i>57.386.067.289</i>		<i>60.148.728.736</i>	
<i>Công trình thủy điện Tân Thượng</i>	<i>50.302.431.448</i>		<i>49.673.436.804</i>	
<i>Công trình thủy điện Tân Mỹ</i>	<i>36.991.389.167</i>		<i>20.750.883.953</i>	
<i>Công trình khác</i>	<i>58.767.900.841</i>		<i>45.696.188.098</i>	
Cộng	324.809.148.232		293.859.541.559	

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, vận chuyển	-	1.241.189.113
Chi phí thuê kênh riêng liên tỉnh	279.741.521	-
Cộng	279.741.521	1.241.189.113

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	339.593.283
Nhà điều hành, lán trại	-	1.071.953.116
Chi phí cấp pha	2.696.893.084	3.160.601.381
Chi phí sửa chữa	54.126.600	523.413.751
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	94.518.105
Cộng	2.751.019.684	5.190.079.636

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	221.505.826.239	417.403.656.250	292.541.496.518	2.499.370.840	933.950.349.847
Đầu tư XD/CB hoàn thành (*)	626.686.233.034	133.170.192.590	-	-	759.856.425.624
Giảm do thanh lý	-	(190.000.000)	-	(123.078.182)	(313.078.182)
Tài sản hỏng	-	-	-	-	-
Số cuối năm	848.192.059.273	550.383.848.840	292.541.496.518	2.376.292.658	1.693.493.697.289
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.626.959.308	254.990.679.343	217.115.285.631	2.033.947.931	506.766.872.213
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	90.971.841.093	372.225.550.494	248.170.034.177	2.359.549.641	713.726.975.405
Khấu hao trong năm	10.042.909.060	19.433.597.905	12.873.609.787	72.182.568	42.422.299.320
Giảm do thanh lý	-	(190.000.000)	-	(123.078.182)	(313.078.182)
Tài sản hỏng	-	-	-	-	-
Số cuối năm	101.014.750.153	391.469.148.399	261.043.643.964	2.308.654.027	755.836.196.543
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	130.533.985.146	45.178.105.756	44.371.462.341	139.821.199	220.223.374.442
Số cuối năm	747.177.309.120	158.914.700.441	31.497.852.554	67.638.631	937.657.500.746
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 926.332.951.176 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(*) Theo quyết định 17CT/TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng giám đốc, Công ty đã ghi tăng Tài sản cố định hữu hình là nhà máy thủy điện Pake với nguyên giá tạm tính theo quyết toán ước tính là 759.856.425.624 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Số cuối năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		80.000.000	80.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		80.000.000	80.000.000
Số cuối năm		80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.612.500.000		4.612.500.000
Số cuối năm	4.612.500.000		4.612.500.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình thủy điện Ghềnh Chang - Sông Lô	333.553.802	-	-	333.553.802
Công trình thủy điện Pake	581.700.683.143	178.155.742.481	(759.856.425.624)	-
Cộng	582.034.236.945	178.155.742.481	(759.856.425.624)	333.553.802

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình Thủy điện Pake trong năm là 35.459.719.122 VND

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao của toà nhà Sông Đà 9. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.714.273.976	1.556.381.832
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(261.015.674)	157.892.144
Số cuối năm	1.453.258.302	1.714.273.976

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (Năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.855.418.150	7.458.106.807
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	843.973.964	843.973.964
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	3.068.355.285
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.433.208	2.040.602
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	597.988.387	1.268.120.919
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.115.702.346	1.783.400.864
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	130.470.486	130.470.486
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.134.849.759	361.744.687
Phải trả các nhà cung cấp khác	154.540.445.861	216.557.381.209
Liên danh nhà thầu KHIDI- KEM	20.165.614.829	20.177.954.738
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	20.663.120.092	21.624.120.456
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	9.307.426.830	22.979.806.571
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Cơ khí Miền Bắc	-	16.596.810.496
Các nhà cung cấp khác	104.404.284.110	135.178.688.948
Cộng	158.395.864.011	224.015.488.016

14b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	602.691.813	602.691.813
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	602.691.813	602.691.813
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.180.056.997	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	3.921.534.169	-
Công ty Cổ phần Lilama 69-1 Phả Lại	2.258.522.828	-
Cộng	6.782.748.810	602.691.813

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	14.505.373.783	17.785.596.468
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.406.373.783	13.406.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	850.000.000	4.379.222.685
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	249.000.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	239.656.998.480	221.652.593.997
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị thành phố Hồ Chí Minh (UCCI)	59.036.976.858	84.713.957.703
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Đà Nẵng	74.304.476.000	-
Ban quản lý Dự án Điện lực dầu khí Long Phú 1	54.527.140.656	54.527.140.656
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	-	45.829.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Cấp nước, thoát nước và Môi trường TP Hà Nội	21.655.892.966	23.265.595.638
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	29.832.512.000	13.210.000.000
Các khách hàng khác	300.000.000	106.900.000
Cộng	254.162.372.263	239.438.190.465

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	782.404.160	-	10.518.712.195	(6.624.386.025)	-	4.676.730.330	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	844.941.161	-	-	-	-	844.941.161
Thuế thu nhập cá nhân	599.587.707	-	336.385.944	(393.027.496)	(418.623.438)	170.024.718	45.702.001
Thuế tài nguyên	361.680.129	-	5.553.138.615	(3.696.517.609)	-	2.218.301.135	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	404.158.134	-	538.628.187	-	-	942.786.321	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	643.525.355	(643.525.355)	-	-	-
Các loại thuế khác	30.976.903	-	7.000.000	(7.000.000)	-	30.976.903	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	284.646.746	-	843.974.679	(843.974.679)	-	284.646.746	-
Cộng	2.463.453.779	844.941.161	18.441.364.975	(12.208.431.164)	(418.623.438)	8.323.466.153	890.643.162

(*) Giảm thuế TNCN phát sinh tại nước CHDCND Lào.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.154.473.723	6.935.281.935
<i>Trong đó: Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>		
<i>Công trình Nam Thuen 1 phát sinh tại nước CHDCND Lào</i>	7.289.272.820	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.510.880.278	2.264.696.707
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.510.880.278	2.264.696.707
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	5.665.354.001	9.199.978.642
Thu nhập được miễn thuế	(21.420.000.000)	(21.420.000.000)
Thu nhập tính thuế	7.289.272.820	-
- Thu nhập tính thuế phát sinh tại Việt Nam	(23.043.918.819)	-
- Thu nhập tính thuế phát sinh tại Lào	7.289.272.820	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	1.457.854.564	-
<i>Thuế TNDN đã nộp ở Lào</i>	(1.457.854.564)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp tại Việt Nam	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.288.012.465	689.783.973
Chi phí công trình	133.882.659.496	34.271.906.335
Chi phí khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	135.275.671.961	35.066.690.308

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.302.121.882</i>	<i>527.673.221</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền phí bảo lãnh tạm ứng	1.302.121.882	527.673.221
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>97.762.657.085</i>	<i>83.028.273.715</i>
Kinh phí công đoàn	646.892.728	471.310.630
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.032.114.001	4.038.275.480
Cổ tức phải trả (*)	82.161.600.000	68.468.000.000
Thuế TNCN phải nộp tại Lào	-	1.693.627.805
Quỹ Bảo vệ phát triển rừng (**)	2.251.958.020	1.800.503.204
Cổ tức các năm trước phải trả (Công ty Cổ phần Sông Đà 901 cũ)	64.200.750	64.200.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.977.925	319.977.925
Các quỹ tự nguyện	954.845.343	1.217.087.891
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.331.068.318	4.955.290.030
Cộng	<u>99.064.778.967</u>	<u>83.555.946.936</u>
(*) Bao gồm:		
Cổ tức năm 2017 được Công ty chốt danh sách cổ đông ngày 20 tháng 9 năm 2018	34.234.000.000	34.234.000.000
Cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2019	34.234.000.000	34.234.000.000
Cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2020	13.693.600.000	-
Cộng	<u>82.161.600.000</u>	<u>68.468.000.000</u>
(**) Công ty phải nộp về tiền dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36VND/1kWh		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng(*)	396.742.090.594	414.802.514.969
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	166.910.118.165	177.950.459.640
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	-	15.711.542.666
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	-	2.408.131.212
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	35.239.658.432	47.680.725.392
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	164.995.584.357	141.056.876.061
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	29.596.729.640	29.994.779.998
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.200.259.610	6.160.437.058
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	51.062.688.644	31.959.315.640
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	12.292.462.958	23.850.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	37.479.425.686	6.818.515.640
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	1.290.800.000	1.290.800.000
Cộng	<u>452.005.038.848</u>	<u>452.922.267.667</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (*) Là các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng Thương mại, có thời gian từ 01 tháng đến 10 tháng, lãi suất từ 7,5% - 8,1%/năm theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Một số khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số TSCĐ của công ty (xem thuyết minh V.10)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	414.802.514.969	6.160.437.058	31.959.315.640	452.922.267.667
Số tiền vay phát sinh trong năm	310.423.578.127	1.810.000.000	-	312.233.578.127
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	52.954.262.958	52.954.262.958
Lãi vay nhập gốc	-	232.380.074	-	232.380.074
Số tiền vay đã trả	<u>(328.484.002.502)</u>	<u>(4.002.557.522)</u>	<u>(33.850.889.954)</u>	<u>(366.337.449.978)</u>
Số cuối năm	<u>396.742.090.594</u>	<u>4.200.259.610</u>	<u>51.062.688.644</u>	<u>452.005.038.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	10.175.000.000	24.317.462.958
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽ⁱⁱ⁾	425.995.684.195	357.378.044.227
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.613.500.000	2.904.300.000
Cộng	<u>437.784.184.195</u>	<u>384.599.807.185</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 2 năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay dự án Thủy điện Nậm Khánh.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai để thực hiện 02 dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công 2015" và "Xây dựng nhà máy thủy điện Pake" với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay của 02 dự án lần lượt là 60 tháng và 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2017 mã số XMTB.DA.SD9.01-2017 với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	51.062.688.644	31.959.315.640
Trên 1 năm đến 5 năm	437.784.184.195	384.599.807.185
Cộng	<u>488.846.872.839</u>	<u>416.559.122.825</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	384.599.807.185	222.712.761.689
Số tiền vay phát sinh trong năm	108.938.639.968	195.103.545.496
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.800.000.000)	(925.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(52.954.262.958)	(32.291.500.000)
Số cuối năm	<u>437.784.184.195</u>	<u>384.599.807.185</u>

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.221.879.837	531.988.056	(235.000.000)	2.518.867.893
Quỹ phúc lợi	3.098.280.819	531.988.056	(42.100.000)	3.588.168.875
Cộng	<u>5.320.160.656</u>	<u>1.063.976.112</u>	<u>(277.100.000)</u>	<u>6.107.036.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	342.340.000.000	21.400.709.579	216.878.452.894	47.664.148.101	628.283.310.574
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.093.174.079	7.093.174.079
Trích lập các quỹ	-	-	3.087.225.111	(5.462.013.658)	(2.374.788.547)
Chia cổ tức	-	-	-	(34.234.000.000)	(34.234.000.000)
Chi khác	-	-	-	(56.700.000)	(56.700.000)
Số dư cuối năm trước	<u>342.340.000.000</u>	<u>21.400.709.579</u>	<u>219.965.678.005</u>	<u>15.004.608.522</u>	<u>598.710.996.106</u>
Số dư đầu năm nay	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	15.004.608.522	598.710.996.106
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.435.603.485	1.435.603.485
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.063.976.112)	(1.063.976.112)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.693.600.000)	(13.693.600.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(53.550.000)	(53.550.000)
Số dư cuối năm nay	<u>342.340.000.000</u>	<u>21.400.709.579</u>	<u>219.965.678.005</u>	<u>1.629.085.895</u>	<u>585.335.473.479</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	200.269.440.000	200.269.440.000
Các cổ đông khác	142.070.560.000	142.070.560.000
Cộng	<u>342.340.000.000</u>	<u>342.340.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.234.000	34.234.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020 NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 13.693.600.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.063.976.112
• Trích thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	: 53.550.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	355,88	342,85
Euro (EUR)	169,13	180,13

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	59.645.752.742	40.165.773.204
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	11.352.440.467	6.059.038.969
Doanh thu hợp đồng xây dựng	250.716.544.571	418.498.096.489
Cộng	321.714.737.780	464.722.908.662

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	30.439.462.515	26.531.734.780
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	7.052.580.738	2.767.459.987
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	229.584.073.036	370.980.628.472
Cộng	267.076.116.289	400.279.823.239

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.624.557.697	1.702.593.184
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.420.000.000	21.420.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	82.078.597	57.894.295
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.054.184	-
Cộng	23.167.690.478	23.180.487.479

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	44.889.810.779	42.212.149.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.334.602	328.459.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	44.964.854	113.261.503
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.456.990.118	(1.270.546.342)
Chi phí tài chính khác	44.570.421	50.227.640
Cộng	48.440.670.774	41.433.551.674

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.547.094.637	25.329.147.942
Chi phí vật liệu quản lý	862.816.810	1.755.514.361
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.162.901	535.638.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	731.534.813	2.944.978.119
Thuế, phí và lệ phí	2.664.606.577	3.121.131.597
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(837.544.550)	80.572.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.733.409.478	2.551.636.975
Các chi phí khác	4.427.340.775	7.046.764.472
Cộng	26.264.421.441	43.365.384.755

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.000.000	964.920.315
Thu nhập bán chứng chỉ giảm phát thái	-	3.208.034.018
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.572.523.862
Thu nhập từ các khoản công nợ không phải trả	2.146.657.255	-
Thu nhập từ phạt giao chậm hàng	-	541.028.571
Thu nhập khác	439.242.866	450.941.062
Cộng	<u>2.604.900.121</u>	<u>6.737.447.828</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chậm nộp thuế	1.819.940.289	146.240.907
Chi phí phục vụ bán chứng chỉ giảm phát thái	-	1.419.492.629
Chênh lệch thuế TNCN theo thuế suất của Lào và Việt Nam	-	697.965.653
Phạt chậm nộp BHXH	581.138.489	-
Phạt vi phạm hành chính	109.801.500	336.456.731
Phạt vi phạm hợp đồng	30.765.874	-
Chi phí khác	10.000.000	26.646.446
Cộng	<u>2.551.646.152</u>	<u>2.626.802.366</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.355.130.704	95.522.271.222
Chi phí nhân công	34.889.028.120	68.238.404.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.690.764.507	43.058.649.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.471.946.589	177.601.476.785
Chi phí khác	80.219.496.667	92.292.620.290
Cộng (*)	<u>290.626.366.587</u>	<u>476.713.421.844</u>

(*) Chi phí này không bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay nhập gốc	232.380.074	229.786.650

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty có phát sinh công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thu nhập khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch (đến ngày 30/5/2020)	157.500.000	-	-	157.500.000
Nguyễn Gia Hân	Thành viên	199.898.917	2.000.000	42.000.000	243.898.917
Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	203.536.140	2.000.000	42.000.000	247.536.140
Vũ Đình Minh	Thành viên	-	-	17.500.000	17.500.000
Phạm Văn Quân	Thành viên	-	-	24.500.000	24.500.000
Trần Thế Quang	Chủ tịch Tổng Giám đốc	327.024.360	2.000.000	17.500.000	346.524.360
Nguyễn Hải Sơn	Thành viên Tổng Giám đốc	289.771.008	2.000.000	24.500.000	316.271.008
Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	106.914.240	-	-	106.914.240
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	263.281.240	2.000.000	-	265.281.240
Ban Kiểm soát					
Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	193.200.000	2.000.000	-	195.200.000
Lương Thế Lăng	Thành viên	161.735.000	2.000.000	25.200.000	188.935.000
Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	-	-	25.200.000	25.200.000
Cộng		1.902.860.905	14.000.000	218.400.000	2.135.260.905

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

		Tiền lương	Thu nhập khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước					
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	327.600.000	2.000.000	-	329.600.000
Nguyễn Gia Hân	Thành viên	211.943.114	2.000.000	37.800.000	251.743.114
Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	125.249.712	2.000.000	25.200.000	152.449.712
Vũ Đình Minh	Thành viên	-	-	25.200.000	25.200.000
Công Thị Thanh Huyền	Thành viên	-	-	3.150.000	3.150.000
Nguyễn Văn Đại	Thành viên	82.481.877	2.000.000	12.600.000	97.081.877
Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	313.909.846	2.000.000	37.800.000	353.709.846
Nguyễn Đức Thọ	Phó Tổng Giám Đốc	234.892.120	2.000.000	-	236.892.120
Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	260.862.265	2.000.000	-	262.862.265
Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	297.985.847	2.000.000	-	299.985.847
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	90.713.655	2.000.000	-	92.713.655
Ban Kiểm soát					
Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	168.000.000	2.000.000	-	170.000.000
Lương Thế Lãng	Thành viên	264.879.000	2.000.000	25.200.000	292.079.000
Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	-	-	25.200.000	25.200.000
Cộng		2.378.517.436	22.000.000	192.150.000	2.592.667.436

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Công ty con

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô

Công ty con gián tiếp

Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	3.289.101.698	127.966.803.793
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	253.526.097	177.181.125
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	11.331.900.425	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	19.194.727.396	27.525.414.695
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	90.245.215
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	56.532.000
<i>Giá trị xây lắp hoàn thành, mua hàng hóa, dịch vụ</i>		
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	888.071.018	640.561.444
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	3.377.523.791	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	4.459.518.982	6.535.699.610
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	59.852.609
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	20.332.015
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.093.572.043	2.066.344.297
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	1.556.358.370

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14, V.15 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có 02 lĩnh vực kinh doanh chính là Xây lắp và Sản xuất điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Sản xuất điện	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	262.068.985.038	59.645.752.742	321.714.737.780
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	262.068.985.038	59.645.752.742	321.714.737.780
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.432.331.264	29.206.290.227	54.638.621.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.973.984.672)	(5.290.436.769)	(26.264.421.441)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.458.346.592	23.915.853.458	28.374.200.050
Doanh thu hoạt động tài chính	23.166.990.082	700.396	23.167.690.478
Chi phí tài chính	(38.549.453.941)	(9.891.216.833)	(48.440.670.774)
Thu nhập khác	2.571.500.998	33.399.123	2.604.900.121
Chi phí khác	(912.098.484)	(1.639.547.668)	(2.551.646.152)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.457.854.564)		(1.457.854.564)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.015.674)		(261.015.674)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.983.584.991)	12.419.188.476	1.435.603.485
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.679.171.352	759.856.425.624	764.535.596.976
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.247.222.568	22.798.971.313	47.046.193.881
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	424.557.135.458	40.165.773.204	464.722.908.662
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	424.557.135.458	40.165.773.204	464.722.908.662
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.809.046.999	13.634.038.424	64.443.085.423
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40.008.196.384)	(3.357.188.371)	(43.365.384.755)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.800.850.615	10.276.850.053	21.077.700.668
Doanh thu hoạt động tài chính	23.179.842.224	645.255	23.180.487.479
Chi phí tài chính	(41.433.551.674)	-	(41.433.551.674)
Thu nhập khác	3.233.248.810	3.504.199.018	6.737.447.828
Chi phí khác	(1.196.608.935)	(1.430.193.431)	(2.626.802.366)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	157.892.144		157.892.144
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.093.174.079
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	46.370.196.790	240.561.359.470	240.561.359.470
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.919.989.524	20.811.746.366	62.731.735.890

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Xây lắp</u>	<u>Sản xuất điện</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.003.345.081.124	1.077.053.741.630	2.080.398.822.754
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			90.824.943.120
Tổng tài sản			2.171.223.765.874
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	898.159.219.137	681.622.036.490	1.579.781.255.627
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6.107.036.768
Tổng nợ phải trả			1.585.888.292.395
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.808.994.332.616	157.175.965.955	1.966.170.298.571
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			96.732.090.640
Tổng tài sản			2.062.902.389.211
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.305.434.777.454	153.436.454.995	1.458.871.232.449
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.320.160.656
Tổng nợ phải trả			1.464.191.393.105

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn





TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 9

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng chính phủ về Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Quý vị cổ đông thông qua:

I. Thông qua Điều lệ và các Quy chế phải trình Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
2. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty
4. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty
(Điều lệ và Quy chế chi tiết được đính kèm tờ trình này)

II. Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà 9 đang triển khai thi công các dự án có sử dụng nhiều phương tiện tham gia giao thông, để đảm bảo điều kiện khi thi công, luân chuyển thiết bị giữa các dự án, Công ty cổ phần Sông Đà 9 trình Đại hội đồng bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng chính phủ như sau:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề
2.	Bốc xếp hàng hóa	5224
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ 	5225
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa; - Hoạt động của các Đại lý bán vé máy bay; - Giao nhận hàng hóa - Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan 	4520
5.	Cho thuê xe có động cơ	7710
6.	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng, thạch cao.	2395

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Quang

PHẦN MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty	8
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 10. Thu hồi cổ phần, mua lại cổ phần và điều kiện thanh toán xử lý cổ phần được mua lại	12
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	14
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:.....	14
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 12. Quyền của cổ đông	15
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	17
1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn	

hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 17

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. 17

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... 20

Điều 17. Thay đổi các quyền..... 21

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 21

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 21

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này. 22

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. 22

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 26

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... 27

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 29

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 30

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 30

Điều 25.	Ứng cử, đề cử, thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 27.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 28.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	37
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty:	37

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 38

Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 34.	Người điều hành doanh nghiệp	38
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	39
1.	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. 39	
2.	Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	39
3.	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. . 39	
4.	Tiêu chuẩn để tuyển chọn Tổng giám đốc:	39
5.	Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:	39
6.	Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành mới thay thế;	40

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT 40

Điều 36.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	40
Điều 37.	Thành phần Ban Kiểm soát	40
Điều 38.	Trưởng Ban kiểm soát	41
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát	42
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	43

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	45
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	46
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	46
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	46
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 48. Năm tài chính	47
Điều 49. Chế độ kế toán	47
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.	47
Điều 50. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và quý	47
Điều 51. Báo cáo thường niên	48
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 52. Kiểm toán.....	48
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	48
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	48
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	48
Điều 54. Giải thể công ty.....	48
Điều 55. Gia hạn hoạt động	49
Điều 56. Thanh lý.....	49

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	50
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	50
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	50
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	50
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	51
Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	51

PHÂN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐQCD ngày..... tháng 04 năm 2021.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. “ Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

g. "Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí khác trong công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

j. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

k. “Cổ đông lớn” Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.

l. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

m. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty

a. Tên tiếng Việt

Công ty cổ phần Sông Đà 9

b. Tên giao dịch Quốc tế

Song Da 9 Joint Stock Company

c. Tên viết tắt

Song Da 9

2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a. Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

b. Điện thoại: (84 – 24) 3 7683 746.

c. Fax:: (84 – 24) 3 7682 684.

d. Website: Songda9.com.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

c. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề
1.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
2.	Xây dựng công trình đường bộ (ngành nghề chính)	4212
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa	4933
5.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu mỡ	4661
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê; - Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;	6810
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;	8299
8.	Sản xuất điện	3511
9.	Truyền tải và phân phối điện	3512
10.	Xây dựng công trình thủy	4291

11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4999
14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy	2599
15.	Phá dỡ Chi tiết: Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;	4311
16.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ;	0899
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng);	7110
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;	4520

Dự kiến bổ sung ngành nghề kinh doanh:

19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20.	Bốc xếp hàng hóa	5224
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ	5225
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa; - Hoạt động của các Đại lý bán vé máy bay;	4520

	- Giao nhận hàng hóa - Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan	
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a. Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình ở trong nước và quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm trong xây lắp trên cơ sở duy trì và phát triển nghề xây dựng thủy điện truyền thống; phát huy cao độ mọi nguồn lực để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao đời sống của người lao động, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển của Công ty.

b. Kinh doanh có lãi, bảo đảm an toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác; tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

c. Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 342.340.000.000 VND (Ba trăm bốn mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 34.234.000 cổ phần (Ba mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn) với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần (mười nghìn đồng/ 01 cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 01 (Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ này).

6. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành..

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng nhận chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;

c. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

3. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần, mua lại cổ phần và điều kiện thanh toán xử lý cổ phần được mua lại

1. Thu hồi cổ phần

a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

d. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

f. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

2. Mua lại cổ phần

a. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại **khoản 1 Điều này** với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu 01 tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ

trường hợp quy định ngay tại gạch đầu dòng tiếp theo của mục này. Đối với cổ phần loại khác và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý số cổ phần được mua lại

a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 2 điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điểm 2 Điều 10 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;

c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty;

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc bỏ phiếu từ xa; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động; thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc

từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (dưới 3 thành viên)

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại **điểm c khoản 3** điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. . Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy

quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực

tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời

họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ đủ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a. Sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- b. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau đó hoặc có thể lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế Bầu cử đã được đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

5. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ nội dung xin ý kiến bằng văn bản theo khoản 6 điều 148 Luật doanh nghiệp.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc điều lệ công ty.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử, thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 10% đến dưới 20 % tổng số cổ phần đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30 % đến dưới 40% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải

thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định

ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty .

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. . Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết để giám sát, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Đề nghị quy định tại điểm a,b,c khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 điều 156 luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. .

4. Tiêu chuẩn để tuyển chọn Tổng giám đốc:

a. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn và ít nhất ba năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Điều lệ này;

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

f. Tuyển dụng lao động;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ

và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

k. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

l. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành mới thay thế;

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp hết nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - 1.1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - 1.2. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác.
 - 1.3. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông

1.4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

1.5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.6. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

1.7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

1.8. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Trách nhiệm Kiểm soát viên:

2.1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2.2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao

2.3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

2.4. Trung thành với lợi ích của Công ty và các cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác/

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản

trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu

người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi

khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 50. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty.

- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý của công ty;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp;

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương, 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhất trí sửa đổi bổ sung thông qua ngày tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Phụ lục 1

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng công ty Sông Đà	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	17.077.200
2	Công ty cổ phần Sông Đà 906	Tầng 7, G10, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	157.000
3	Công ty cổ phần Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, Phường Hoa Lư, Pleiku, tỉnh Gia Lai	243.903
4	Bà Nguyễn Thị Nhâm	Số nhà 22, ngõ 102/27 Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	72.500

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày tháng 04 năm 2021

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sông Đà 9 bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông là cá nhân hay tổ chức nắm giữ ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 9; quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông gắn liền với kết quả hoạt động của Sông Đà 9.

1.1. Quyền của cổ đông

1.1.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc bỏ phiếu từ xa; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động; thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và pháp luật.

1.1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn

bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

1.1.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

1.2. Nghĩa vụ của cổ đông

1.2.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

1.2.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1.2.3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

1.2.4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

1.2.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

1.2.6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

1.2.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

1.2.8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

2.1.1. Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn họp nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (dưới 3 thành viên)
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2.1.2. Ban kiểm soát: Trường hợp, Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ thì Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp

2.1.3. Cổ đông: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo điểm 2.2.2 Quy chế này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp):

2.5.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

2.5.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2.5.2 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản Khoản 2.5.2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ đủ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên.

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

2.5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2.5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

2.6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2.6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2.6.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử.; có thể ủy quyền cho người khác tham dự

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2.8. Điều kiện tiến hành:

2.8.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2.8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2.8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

2.9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.9.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2.9.3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2.9.2 Điều này các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10. Cách thức bỏ phiếu;

2.10.1. Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát: Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu);

2.10.2. Trừ nội dung quy định tại điểm 2.10.1 điều này, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp bằng Phiếu biểu quyết.

Phiếu biểu quyết do công ty phát hành có đóng dấu treo của Công ty, trên phiếu ghi các nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và có từng mục biểu quyết Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến

2.11. Cách thức kiểm phiếu:

a. Đối với hình thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

b. Đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

2.12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2.12.2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a. Sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- b. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau đó hoặc có thể lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế Bầu cử đã được đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.
- c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- e. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

2.12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

2.14.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;

2.14.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại [khoản 1.14.1](#) Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu 01 tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

2.15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2.15.2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2.15.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và đăng tải lên Website của Công ty, gửi UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong vòng 24 h kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

3.1.1. Các nội dung không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3.1.2. Các nội dung được xin ý kiến cổ đông bằng văn bản trừ các nội dung quy định tại khoản 3.1.1 điều này

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3.2.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 1.5.1 điều này.

3.2.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.2.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

3.2.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương

thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3.2.5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

3.2.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3.2.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến trên cơ sở áp dụng các phương thức, giải pháp công nghệ thông tin, phù hợp, an toàn, tin cậy và vẫn phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, điều kiện quy định chung về họp ĐHĐCĐ để áp dụng trong trường hợp cần thiết

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị)

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập

c. Tiêu chuẩn điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

2.3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2.5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2.1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

2.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác

2.7. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có).
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 10% đến dưới 20 % tổng số cổ phần đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30 % đến dưới 40% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

c. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

2.8. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân (x) với số thành viên được bầu);

2.9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

2.9.1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2.9.2. Bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

2.9.3. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết để đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông

2.9.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn dưới 3 thành viên. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

3.1. Cổ đông, nhóm cổ đông gộp cổ phiếu lại với nhau theo tỷ lệ được ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị công ty, hồ sơ bao gồm:

a. Đơn ứng cử, Đơn đề cử;

b. Biên bản họp nhóm cổ đông và danh sách đề cử, ứng cử

c. Lý lịch cá nhân của ứng cử viên.

d. Bản khai người có liên quan của ứng cử viên.

e. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

f. Văn bản (Nghị quyết, quyết định, ...) của cấp có thẩm quyền (HĐQT, HĐQT, ...) của tổ chức về việc đề cử người đại diện quản lý phần vốn của tổ chức tại SD9.

g. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử phải được gửi về Công ty trước ngày khai mạc Đại hội

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử như sau:

- Hội đồng quản trị lập tờ trình về việc giới thiệu/ đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị kèm theo các hồ sơ, Lý lịch cá nhân, bản kê khai người có liên

quan, bản sao văn bằng chứng chỉ của nhân sự được đề cử.

- Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu/ đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị

4.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo khoản 2.5.1. và 2.5.2 Điều 3 Quy chế này

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

3.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

3.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

4.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu 1 quý/ lần và có thể họp bất thường.

4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết để giám sát, chỉ đạo công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1. Đề nghị quy định tại điểm a,b,c khoản 4.2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4.2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại a,b,c khoản 4.2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)

4.3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

4.3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

4.4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4.4.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4.6. Cách thức biểu quyết:

4.6.1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết (nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận).
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

4.6.2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

4.10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 4.9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành phải được lập thành Nghị quyết thông qua,

4.11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

5.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 điều 156 luật doanh nghiệp.

5.2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

5.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

5.4. Hội đồng quản trị công ty có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị khi thấy cần thiết.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty

1.2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm sau

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao

k. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

l. Trung thành với lợi ích của Công ty và các cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

a. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu

thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định như giới thiệu/ đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện bầu thành viên Ban kiểm soát theo cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

2.5.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

b. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty

2.5.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1.1. Vai trò: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

f. Tuyển dụng lao động;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

k. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

l. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn để tuyển chọn Tổng giám đốc:

a. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn và ít nhất ba năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành mới thay thế;

2.3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc:

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.4. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

a. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

b. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể mời Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc tới dự. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến

các thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban giám đốc và đồng thời gửi đến BKS.

- Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có các nội dung cần thiết và phải được gửi tới người được mời ít nhất 03 ngày trước khi diễn ra cuộc họp. Trưởng Ban kiểm soát sẽ phải gửi Biên bản hoặc Nghị quyết cuộc họp cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong thời gian 05 ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

- Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc điều hành có thể mời một số thành viên HĐQT và trưởng Ban Kiểm soát tham dự để thảo luận về những vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ các nội dung cần thiết và phải được chuyển tới người được mời ít nhất 03 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc điều hành sẽ gửi biên bản cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

Các Nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị được ban hành gửi tới Ban kiểm soát, Tổng giám đốc qua phần mềm điện tử của công ty hoặc gửi trực tiếp bằng văn bản.

c. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hàng quý vào cuộc họp Hội đồng quản trị quý và/ hoặc báo cáo theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

e. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị Công ty theo định kỳ hoặc đột xuất khi có đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Khi có phát sinh các nội dung có sai khác vpi vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đã thông qua.

- Khi thấy vấn đề lớn ảnh hưởng đến công tác tổ chức, sản xuất của đơn vị.

Tổng giám đốc lập báo cáo bằng văn bản hoặc đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp để Tổng giám đốc báo cáo.

f. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

2.1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

2.2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2.3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ điều hành trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c. Hoàn thành nhiệm vụ

d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Cổ đông Công ty, thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, các phòng/ban chức năng và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Điều 8. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sông Đà 9 bao gồm 8 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm.2021.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày .tháng 04 năm 2021

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, bao gồm các nội dung sau:

Chương I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10 đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định

của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty (nếu có).

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách

nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm

quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, điều phối của Chủ tịch HĐQT. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực công tác được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong công ty.

3. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Hà nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 9 (gọi tắt là Điều lệ Công ty) và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công

ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp..
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện theo điều 36 Điều lệ Công ty và các nội dung sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Điều 5 của Quy chế này.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số

phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và điều 5 của Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện,

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 bao gồm 06 (sáu) chương], 22 (hai mươi hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/CT- BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021



Tờ trình

v/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Để chuẩn bị cho công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán độc lập, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C cũng đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9 các năm từ năm 2017 đến năm 2020.

Vì vậy, để công tác kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng quy định, Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Lưu BKS, Văn thư.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Minh Nguyệt



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

V/v Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020; Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Quý vị cổ đông thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020; Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, như sau:

1. Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm, Thư ký công ty năm 2020:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 (đồng)	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 được hưởng 70% KH	Tổng lương, thù lao năm 2020 (đồng)
I	Lương của cán bộ chuyên trách					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	45.000.000	31.500.000	378.000.000
2	T.ban Kiểm soát	1	12	23.000.000	16.100.000	193.200.000
II	Thù lao					
1	Thành viên HĐQT	4	12	5.000.000	3.500.000	168.000.000
2	Thành viên BKS	2	12	3.000.000	2.100.000	50.400.000
3	Thư ký	1	12	3.000.000	2.100.000	25.200.000
	Tổng cộng			1.164.000.000		814.800.000

2. Phương án chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thư ký công ty 2021:

T T	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách	1		23.000.000
3	TB Kiểm soát không chuyên trách	1	7.000.000	
4	Thành viên Hội đồng quản trị	4	5.000.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000	
6	Thư ký	1	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Quang

Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/BB/ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2021 ngày 27/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2021 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của công ty kiểm toán độc lập; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tổng giá trị SXKD : 419 /KH 710 tỷ đạt 59% KH năm
- Tổng doanh thu : 357 /KH 663 tỷ đạt 54% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 3,15 /KH 32,9 tỷ đạt 10% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 1,43/30,6 tỷ đồng đạt 6% KH năm
- Nộp ngân sách : 26,3 /KH 46 tỷ đạt 58% KH năm
- Thu nhập bình quân : 10,1/ 11,9 trđ/ng/tháng đạt 85% KH.

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 780.200 tỷ đồng;
- Doanh thu : 899.966 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 5 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 44.429 tỷ đồng;



2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021: Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021: Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
1.	Lợi nhuận trước thuế	3.154.473.723	đồng
2.	Thuế TNDN phải nộp	1.457.854.564	đồng
3.	Thuế TNDN hoãn lại	261.015.674	đồng
4.	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	1.435.603.485	đồng
5.	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	193.482.410	đồng
6.	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	67.200.000	đồng
7.	Lợi nhuận chia cổ tức 0% (0% LN phân phối)	-	đồng
8.	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1.561.885.895	đồng

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

6. Thông qua báo cáo sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

7. Thông qua báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thụ ký năm 2020; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2021.

7.1. Tổng mức chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký Công ty năm 2020 : 814.800.000 đồng tương đương 70% KH , mức

Chi trả thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã thông qua.

7.2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021:

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách		23.000.000
3	TB Kiểm soát không chuyên trách	7.000.000	
4	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	
6	Thư ký công ty	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

8. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thống nhất bầu các Ông/bà sau trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 -2026:

8.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

8.2. Thành viên Ban kiểm soát:



Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9 và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ quyết nghị thực hiện../

Nơi nhận:

- UBCK NN, SGDCKHN;
- Như điều 3;
- Lưu HĐQT, TCNS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Trần Thế Quang